

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
---□□□---



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: KẾ TOÁN

Mã số: 7340301

*(Ban hành theo quyết định số 613a/ĐHKTKTCN ngày 26/8/2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)*

Hà nội - 2022

MỤC LỤC

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo	3
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo	3
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo	3
2. Mục tiêu của chương trình đào tạo	3
2.1. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường	3
2.2 Mục tiêu đào tạo.....	4
3. Chuẩn đầu ra.....	5
3.1. Kiến thức.....	5
3.2. Kỹ năng	5
3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm	6
3.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp.....	6
3.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	7
3.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đầu ra đã tham khảo.....	7
4.Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo	9
5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp.....	10
5.1 Thông tin tuyển sinh	10
5.2. Điều kiện tốt nghiệp.....	10
6. Phương pháp giảng dạy và học tập	10
7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá	13
7.1. Các hình thức đánh giá	13
8. Cấu trúc chương trình đào tạo	14
8.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá	14
8.2.Nội dung chương trình đào tạo	15
8.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến.....	18
9. Ma trận đóng góp của các học phần theo yêu cầu năng lực của chuẩn đầu ra.....	22
10. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo	30
11. Mô tả tóm tắt học phần	31
12. Đối sánh chương trình đào tạo	56

12.1. Đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.....	56
12.2. Đối sánh khung chương trình đào tạo.....	55
13. Hướng dẫn thực hiện	71
13.1. Nguyên tắc chung	71
13.2. Kế hoạch đào tạo.....	72



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số 613a/ĐHKTKTCN ngày 26/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Kế toán Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được xây dựng theo định hướng ứng dụng với mục tiêu cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên môn về kế toán và kỹ năng thực hành nghề nghiệp; thiết kế và điều hành công tác kế toán trong các loại hình DN, đơn vị; có tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu công việc.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1	Tên chương trình đào tạo	Kế toán
2	Trình độ đào tạo	Đại học
3	Ngành đào tạo	Kế toán
4	Mã số	7340301
5	Thời gian đào tạo	4 năm
6	Loại hình đào tạo:	Chính quy
7	Tên văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân Kế toán
8	Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
9	Ngày tháng ban hành/cập nhật:	

2. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu của chương trình được xây dựng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học định hướng ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường

2.1.1. Sứ mạng

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ, thực hiện các chức năng giáo dục – đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước.

2.1.2. Tầm nhìn phát triển

Đến năm 2030 trở thành trường đại học định hướng ứng dụng uy tín, nằm trong nhóm các

trường đại học ứng dụng hàng đầu của cả nước

2.1.3 Giá trị cốt lõi

Phát triển bền vững, coi trọng chất lượng, hiệu quả, luôn tự đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội. Lấy mục tiêu phát triển bền vững là nền tảng; Chất lượng, hiệu quả là mục tiêu hướng tới; Đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội là phương châm hành động.

2.1.4. Triết lý giáo dục

“Học tập để kiến tạo tương lai”

2.2 Mục tiêu đào tạo

2.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên môn về kế toán và kỹ năng thực hành nghề nghiệp; thiết kế và tổ chức công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp, đơn vị; có tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu công việc.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.2.1 Về kiến thức

- MT1: Đào tạo người học hiểu biết và vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học kinh tế, chính trị, pháp luật, an ninh quốc phòng vào các vấn đề thực tiễn

- MT2: Đào tạo người học hiểu và vận dụng những kiến thức cơ bản về kế toán, kiểm toán, tài chính, thuế, phân tích tài chính cũng như đánh giá được tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh; tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong các đơn vị, doanh nghiệp

2.2.2.2 Về kỹ năng

- MT3: Đào tạo người học thành thạo trong việc xử lý các vấn đề chuyên môn kế toán, kiểm toán; xây dựng các quy trình kế toán, kiểm toán; thực hiện chuẩn hoá các nghiệp vụ kế toán;

- MT4: Đào tạo người học vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tế công tác kế toán, kiểm toán, phân tích báo cáo tài chính và giải quyết được những vấn đề phát sinh về chuyên môn

- MT5: Đào tạo người học thực hiện được việc kiểm tra, phân tích và đánh giá công tác kế toán, đề xuất hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán trong đơn vị, doanh nghiệp

- MT6: Đào tạo người học cập nhật được những thay đổi chế độ về tài chính, kế toán vào công tác kế toán, kiểm toán trong các đơn vị, doanh nghiệp

- MT7: Đào tạo người học sử dụng được tiếng Anh trong nghề nghiệp, sử dụng thành thạo tin học ứng dụng, các phần mềm kế toán trong công tác kế toán.

- MT8: Đào tạo người học khả năng làm việc độc lập, xây dựng kế hoạch tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn cũng như khả năng phối hợp làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp trong công việc

2.2.2.3. Về thái độ

- MT9: Định hướng để người học xác định nghề nghiệp rõ ràng, chủ động đề xuất các giải pháp về chuyên môn kế toán, kiểm toán đồng thời nhận thức đúng về vai trò trách nhiệm của người làm công tác kế toán, kiểm toán.

- MT10: Đào tạo người học có thái độ trung thực khách quan trong nghề nghiệp, tuân

thủ pháp luật và sẵn sàng tham gia các hoạt động tập thể phục vụ doanh nghiệp và cộng đồng xã hội.

2.2.2.4. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (*theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1. Kiến thức

- CĐR1: Hiểu biết về thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và có khả năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng một cách logic và tích cực.
- CĐR2: Hiểu biết và vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, quốc phòng, an ninh.
- CĐR 3: Có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (*theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT*)
- CĐR 4: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- CĐR 5: Hiểu biết và vận dụng những kiến thức cơ bản của khoa học kinh tế, tổ chức hệ thống thông tin quản lý trong đơn vị, doanh nghiệp.
- CĐR 6: Hiểu biết và vận dụng những kiến thức cơ bản về kế toán, kiểm toán, tài chính, thuế, phân tích tài chính, chuẩn mực kế toán - kiểm toán Việt Nam và quốc tế.
- CĐR 7: Xây dựng năng lực nghiên cứu, hoạch định chính sách, quản lý và điều hành công tác kế toán kiểm toán trong các đơn vị, doanh nghiệp
- CĐR 8: Vận dụng được quy trình hạch toán kế toán, kiểm toán, đánh giá được tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh; tổ chức thông tin trong các chu trình kế toán theo các loại hình đơn vị kế toán cụ thể.
- CĐR 9: Phân tích hoạt động kinh tế - tài chính trong các đơn vị, doanh nghiệp để có những quyết định về chính sách kế toán và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, hệ thống thông tin kế toán.
- CĐR 10: Tổng hợp, đánh giá, cập nhật được những thay đổi chế độ về tài chính, kế toán vào công tác kế toán, kiểm toán trong các đơn vị, doanh nghiệp.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

- CĐR 11: Thành thạo trong xử lý số liệu kế toán, các vấn đề chuyên môn kế toán, kiểm toán; xây dựng các quy trình kế toán, kiểm toán.
- CĐR 12: Thực hiện chuẩn hoá các nghiệp vụ kế toán như: Lập, kiểm tra và luân chuyển chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp; lập báo cáo kế toán tài chính và báo cáo kế toán quản trị của đơn vị, doanh nghiệp
- CĐR 13: Vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tế công tác kế toán, kiểm toán, phân tích báo cáo tài chính, giải quyết được những vấn đề phát sinh về chuyên môn.

- CDR 14: Thực hiện kiểm tra, phân tích và đánh giá công tác kế toán, đề xuất hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán trong đơn vị, doanh nghiệp.

- CDR 15: Sử dụng thành thạo tin học ứng dụng, các phần mềm kế toán trong công tác kế toán

3.2.2. Kỹ năng mềm

- CDR 16: Vận dụng phương pháp làm việc khoa học, chuyên nghiệp, có tư duy hệ thống và tư duy phê bình; có khả năng trình bày, khả năng giao tiếp, thảo luận, biết sử dụng các công cụ, phương tiện hiện đại, hội nhập được trong môi trường làm việc.

- CDR 17: Khả năng làm việc độc lập, tự cập nhật được những thay đổi chế độ, chính sách về tài chính, kế toán, kiểm toán.

- CDR 18: Xây dựng kế hoạch tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học; có khả năng tự tạo lập công việc và phát triển bản thân.

- CDR 19: Phối hợp làm việc nhóm hiệu quả trong học tập, nghiên cứu, kỹ năng giao tiếp trong công việc

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CDR 20: Xác định nghề nghiệp rõ ràng, chủ động đề xuất giải pháp về chuyên môn kế toán, kiểm toán; đánh giá tình hình tài chính, tư vấn, xây dựng quy chế kiểm soát trong doanh nghiệp, đơn vị.

- CDR 21: Tinh thần làm việc độc lập, cầu tiến, học hỏi, luôn tự nghiên cứu, tự chịu trách nhiệm cũng như thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

- CDR 22: Trung thực, khách quan trong nghề nghiệp, trong công việc

- CDR 23: Tuân thủ pháp luật, chế độ kế toán kiểm toán của Nhà nước và các quy định của đơn vị, doanh nghiệp

- CDR 24: Nhận thức đúng về vai trò, trách nhiệm người làm công tác kế toán, kiểm toán.

- CDR 25: Sẵn sàng tham gia các hoạt động tập thể, công tác chuyên môn phục vụ đơn vị, doanh nghiệp và cộng đồng xã hội

3.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp hướng tới đào tạo nguồn nhân lực kế toán theo định hướng ứng dụng. Vì vậy, chương trình cử nhân kế toán được xây dựng nhằm đến kết quả của chương trình là người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí công việc chuyên môn tại các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức kinh tế - xã hội khác. Với những kiến thức về chuyên ngành được đào tạo, người học có thể đảm nhận được những vị trí công việc như sau:

Nhóm 1 - Nhân viên kế toán: Có đủ năng lực làm việc các doanh nghiệp, các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, công ty tài chính, công ty bảo hiểm, các công ty liên doanh, các công ty có vốn đầu tư nước ngoài, các tổng công ty, các tập đoàn kinh tế trong và ngoài nước thuộc mọi thành phần kinh tế. Có thể đảm nhiệm được công việc của các phân hành kế toán trong đơn vị, triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên viên kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các cơ quan và tổ chức kinh tế.

Nhóm 2 - Nhân viên phân tích và tư vấn: có đủ năng lực đảm nhiệm các công việc phân tích và tư vấn về kế toán, thuế, tài chính tại các công ty tài chính và phi tài chính; tương lai có thể phát triển nghề nghiệp thành các chuyên gia phân tích, tư vấn trong các lĩnh vực này.

Nhóm 3 - Trợ lý kiểm toán, kiểm soát viên trong các bộ phận kiểm toán nội bộ, các bộ phận chuyên môn của Kiểm toán Nhà nước, các công ty kiểm toán độc lập; tiến tới trong tương lai trở thành kiểm toán viên chuyên nghiệp khi được trang bị chứng chỉ hành nghề chứng chỉ quốc gia/quốc tế để hành nghề cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán tư vấn tài chính cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Nhóm 4 - Nghiên cứu viên và giảng viên: Có thể nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu về lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán; có thể tiếp tục học tập phần đầu để trở thành giảng viên chính, giảng viên cao cấp và chuyên gia nghiên cứu về lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

Chương trình đào tạo ngành kế toán của Nhà trường là một nền tảng tốt để người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc ở nhiều vị trí khác nhau và có thể tự chuyển đổi, phát triển nghề nghiệp từ lĩnh vực kế toán, kiểm toán sang các lĩnh vực nghề nghiệp khác như: quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng, thuế; có thể tự tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng về chuyên ngành kế toán.

3.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, với những kiến thức cơ bản và chuyên sâu được tích lũy, người học có khả năng:

- Tiếp tục tự đọc, tự tra cứu và tiếp cận đến hệ thống tài liệu văn bản, giáo trình, sách chuyên khảo, bài báo khoa học để nâng cao kiến thức chuyên sâu phục vụ cho vị trí công việc cụ thể tại đơn vị được tuyển dụng.
- Tiếp tục trau dồi thêm kỹ năng ở môi trường làm việc thông qua học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm với các cán bộ đồng nghiệp, cán bộ quản lý và chuyên gia trong các lĩnh vực mà người học theo đuổi.
- Tiếp tục học thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành kế toán hoặc tài chính -ngân hàng và các chuyên ngành liên quan.

3.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đầu ra đã tham khảo

- Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

- Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngành Kế toán Đại học Kinh tế quốc dân
- Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngành Kế toán Đại học Thương mại
- Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngành Kế toán Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
- Chương trình đào tạo cử nhân Kế toán trường Đại học Công nghệ Sydney (Úc)

4.MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA CHUẨN ĐẦU RA VÀ MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu của CTĐT	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO																								
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22	CĐR 23	CĐR 24	CĐR 25
MT 1	X	X			X																				
MT2						X	X	X	X																
MT3											X	X													
MT4												X													
MT5													X												
MT6										X							X								
MT7			X	X											X										
MT8																X	X	X	X		X				
MT9																			X					X	
MT10																						X	X		X

5. TUYỂN SINH VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1 Thông tin tuyển sinh

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thông báo và hướng dẫn của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (<https://uneti.edu.vn/chuyen-muc/tuyen-sinh>)

+ Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT

+ Phương thức tuyển sinh: Theo phương thức xét tuyển trong đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 392/QĐ-ĐHKTCTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định trong Quy chế;
- c) Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt từ 2,00 trở lên;
- d) Có các chứng chỉ hoặc chứng nhận ngoại ngữ, tin học theo quy định của Nhà trường với từng đối tượng và thời điểm;
- đ) Có các chứng chỉ hoặc chứng nhận giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục – thể thao;
- e) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

6. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chương trình đào tạo ngành Kế toán được triển khai giảng dạy theo phương pháp giảng dạy tích cực thúc đẩy sinh viên phát triển ý tưởng sáng tạo. Để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, Khoa...đã xây dựng các chiến lược giảng dạy – học tập. Việc lựa chọn phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học vừa phải đảm bảo phù hợp đặc thù của khoa, vừa trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghề nghiệp cũng như các kỹ năng mềm....

- Phương pháp thuyết trình: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên có trách nhiệm nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt. Đồng thời sinh viên cũng trình bày quan điểm của bản thân hoặc đại diện cho nhóm để đưa ra các nội dung cần thảo luận trước tập thể.

- Phương pháp thảo luận: Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Phương pháp này thúc đẩy sinh viên làm rõ các khái niệm, ý tưởng và các thông tin xoay quanh chủ đề đặc biệt là các vấn đề thực tế; thông qua trao đổi bằng lời nói với bạn học và giảng viên để kết nối các ý tưởng, kinh nghiệm để phản ánh nhiều ý nghĩa của khái niệm hay vấn đề.

- Phương pháp nghiên cứu xử lý tình huống: Là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện và giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên thiết kế các nhiệm vụ dựa trên các tình huống, cần sinh viên giải quyết, qua đó giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu. Các tình huống được sử dụng nhiều là các tình huống thực tế, điển hình từ những tập đoàn, doanh nghiệp trên toàn thế giới, tạo điều kiện cho người học tiếp cận với thực tiễn.
- Phương pháp đặt vấn đề/ giải quyết vấn đề: Là phương pháp dạy học trong đó giảng viên tạo ra những tình huống có vấn đề, điều khiển sinh viên phát hiện vấn đề hay thách thức trong thực tế để sinh viên hoạt động tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo để giải quyết vấn đề bằng quan điểm cá nhân và kiến thức đã lĩnh hội. Thông qua đó chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kỹ năng và đạt được những mục đích học tập khác.
- Phương pháp nhập vai: Phương pháp này là một quá trình trong đó người ta khám phá suy nghĩ và cảm xúc của người khác bằng cách phản ứng và hành xử như người đó trong tình huống giả lập. Nó có thể liên quan đến các cặp, nhóm hoặc cả lớp. Phương pháp này được sử dụng để kiểm tra quan điểm của người khác và truyền đạt sự hiểu biết. Nó cho phép sinh viên áp dụng các kỹ năng cá nhân và nhóm để đánh giá kiến thức trước khi ra quyết định và giải quyết vấn đề bằng cách kiểm tra các tình huống trong bối cảnh xa lạ.
- Phương pháp thực hành: Sinh viên được chia thành các nhóm nhỏ để giải quyết các vấn đề nhất định và hiển thị kết quả bằng cách báo cáo hoặc giảng bài hoặc có thể tiến hành thảo luận theo cá nhân. Sinh viên đã được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản qua các bài thực hành từ đơn giản cho đến phức tạp.
- Phương pháp báo cáo: Là phương pháp sinh viên được tham gia vào các buổi báo cáo theo chủ đề, trong đó người diễn giảng, thuyết trình không phải là giáo viên mà là những chuyên gia đến từ các doanh nghiệp, tổ chức bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giả, giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chương trình đào tạo.
- Phương pháp thực tế: Là phương pháp được thực hiện thông qua việc giới thiệu, tìm hiểu thực tế các hoạt động tại DN và sinh viên qua việc lĩnh hội các kiến thức đã được học sẽ trình bày về thực tế mình tìm hiểu được liên quan đến chủ đề của nội dung học tập.
- Phương pháp làm việc nhóm: Sinh viên được chia thành các nhóm nhỏ để giải quyết các chủ đề được giảng viên giao nhất định và hiển thị kết quả bằng cách báo cáo hoặc trình bày bằng slide. Sinh viên đã được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản trong công việc nhóm kể từ năm đầu tiên. Sau đó, họ sẽ được thực hành phương pháp này trong rất nhiều khóa học ở các cấp độ khác nhau.
- Phương pháp đọc và nghiên cứu tài liệu: Phương pháp này phát triển khả năng tự học của sinh viên để chuẩn bị bài trước buổi học và ôn tập bài sau buổi học
- Thực hiện bài kiểm tra cá nhân: Phương pháp này rèn luyện khả năng tư duy độc lập để giải quyết vấn đề/tình huống/bài thực hành được đưa ra trên cơ sở vận dụng kiến thức, kỹ năng đã được học tập, thảo luận với thái độ cầu thị
- Khóa luận tốt nghiệp: Phương pháp này phát triển khả năng của sinh viên trong việc lên kế hoạch, tìm hiểu, tổ chức và đánh giá đối với một chủ đề một cách độc lập và chi tiết, dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Nó còn tăng cường động lực học tập và tích cực tham gia học tập bởi vì sinh viên được cho phép chọn các tài liệu họ muốn trình bày.

Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của CTĐT và phương pháp dạy – học

Hoạt động giảng dạy và học tập	Chuẩn đầu ra																								
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22	CĐR 23	CĐR 24	CĐR 25
Thuyết trình	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thảo luận	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Nghiên cứu xử lý tình huống					X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Giải quyết vấn đề					X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Nhập vai								X	X		X	X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X
Thực hành			X	X		X		X					X	X	X	X	X			X			X	X	
Báo cáo														X				X		X	X	X	X	X	X
Thực tế			X	X									X				X	X	X	X	X	X	X	X	X
Làm việc nhóm													X			X			X						
Đọc và nghiên cứu tài liệu	X	X			X	X															X				
Thực hiện bài kiểm tra cá nhân	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Khóa luận tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

7.1. Các hình thức đánh giá

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác độ mức độ đạt được CDR của học phần từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CDR của chương trình đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập được căn cứ theo Quyết định số 392/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 10 tháng 09 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ

- Đánh giá ý thức và thái độ học tập: Đánh giá thông qua mức độ chuyên cần của sinh viên tham gia các buổi học trên lớp, sự tương tác với giảng viên trong quá trình học tập cũng như sự chuẩn bị bài trước các buổi học
- Đánh giá theo hình thức tự luận: Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra, bài thi bằng hình thức tự luận trên giấy
- Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm: Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra, bài thi bằng hình thức thi trắc nghiệm trên máy vi tính hoặc các phiếu kiểm tra trắc nghiệm
- Đánh giá theo hình thức vấn đáp: Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra, bài thi dưới hình thức trả lời các câu hỏi vấn đáp của giảng viên
- Đánh giá theo hình thức thực hành: Sinh viên thực hiện yêu cầu của môn học và nộp bài dưới dạng sản phẩm thực hành

7.2 Điểm đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, tiểu luận, thảo luận:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 60%) và điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy) (chiếm tỷ trọng 40%).

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ - tính hệ số 2:

+ Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận

+ Số lần kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm kiểm tra thường xuyên - tính hệ số 1:

+ Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của sinh viên trong giờ học.

+ Số lần kiểm tra thường xuyên: tối thiểu là 1. Ngoài ra, Khoa, tổ chuyên môn có thể quy định số lần kiểm tra tối thiểu cho từng học phần cụ thể.

- Điểm chuyên cần - có hệ số bằng số tín chỉ của học phần đó.

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:

(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phần mềm tự tính):

* Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 10 điểm.

* Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.

* Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.

* Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.

* Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.

* Nghỉ học từ 50% trở lên: 0 điểm

Ghi chú:

+ Sinh viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

2) Đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn, thực tập:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) là điểm trung bình của các loại điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy.

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ: là điểm đánh giá các bài thực hành định kỳ trong quá trình giảng dạy, được tính hệ số 1.

Số điểm kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm chuyên cần:

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:

(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phần mềm tự tính):

* Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 10 điểm.

* Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.

* Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.

* Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.

* Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.

* Nghỉ học từ 50% trở lên: 0 điểm

+ Điểm chuyên cần có hệ số 1.

Ghi chú:

Sinh viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong Đề cương chi tiết của học phần.

8. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

8.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))

Trong đó:

○ Khối kiến thức giáo dục đại cương:	38 tín chỉ
○ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	98 tín chỉ
● <i>Phần lý thuyết</i>	<i>68 tín chỉ</i>
● <i>Phần thực hành, thực tập, đồ án</i>	<i>21 tín chỉ</i>
● <i>Khoá luận tốt nghiệp</i>	<i>09 tín chỉ</i>

8.2.Nội dung chương trình đào tạo

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) (chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)			38		
	1.1. Lý luận chính trị		11		
001535	1.Triết học Mac-Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2.Kinh tế chính trị Mac-Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3.CNXH Khoa học	LLCT& PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4.Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT& PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5.Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		2		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		6		
002378	1. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHUD	3	(36, 18, 90)	x
001102	2. Xác suất thống kê	KHUD	3	(36, 18,90)	x
	1.4. Ngoại ngữ		16		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		3		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	KHUD	1	(15, 0, 30)	x
002164	2. Kỹ năng nghề nghiệp – Kế toán	Kế toán	1	(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	KHUD	1	(15, 0, 30)	x
000566	4. Lịch sử các học thuyết kinh tế	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	
000569	5. Soạn thảo văn bản	DLKS	2	(26, 8, 60)	
000519	6. Văn hóa kinh doanh	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	
	1.6. Giáo dục thể chất	GDTC	4		
000718	1.Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2.Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3.Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4.Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	GDQP	8		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 90)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 60)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 30)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 60)	x
2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			98		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		20		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000567	3. Nguyên lý thống kê	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001153	4. Quản trị doanh nghiệp	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
000568	5. Pháp luật kinh tế	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001212	6. Nguyên lý kế toán	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
001109	7. Tài chính – tiền tệ	TCNH-BH	3	(39, 12, 90)	x
001104	8. Marketing căn bản	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
	2.2. Kiến thức chung của ngành		53		
	<i>2.2.1. Kiến thức bắt buộc</i>		44		
001431	1. Luật kế toán và hệ thống chuẩn mực kế toán	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
000447	2. Kế toán tài chính 1	Kế toán	3	(39,12,90)	x
000465	3. Thực hành Kế toán tài chính 1	Kế toán	3	(0, 90, 90)	x
001162	4. Tiểu luận 1: Thu thập số liệu kế toán	Kế toán	2	(0, 120, 0)	x
000448	5. Kế toán tài chính 2	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
000479	6. Tin học ứng dụng kế toán	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
000445	7. Kế toán quản trị 1	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
000455	8. Kiểm toán căn bản	Kế toán	3	(39,12,90)	x
000466	9. Thực hành Kế toán tài chính 2	Kế toán	3	(0, 90, 90)	x
000666	10. Tài chính doanh nghiệp	TCNH-BH	3	(39, 12, 90)	x
001251	11. Kế toán quản trị 2	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
001301	12. Thuế và kế toán thuế	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
001745	13. Thực hành Thuế và Kế toán thuế	Kế toán	3	(0, 90, 90)	x
001340	14. Kế toán máy	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
001100	15. Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
	<i>2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 3 trong các học phần)</i>		9		
001250	1. Hệ thống thông tin kế toán	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
000458	2. Phân tích báo cáo tài chính	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
001744	3. Thực hành Phân tích BCTC	Kế toán	3	(0, 90, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
001743	4. Thống kê kinh doanh	DLKS	3	(39, 12, 90)	
001742	5. Kế toán tập đoàn – Tổng công ty	Kế toán	3	(39, 12, 90)	
001741	6. Thực hành Kế toán tập đoàn Tổng công ty	Kế toán	3	(0, 90, 90)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng (chọn theo Modul)		25		
	2.3.1. Modul 1: Kế toán doanh nghiệp		25		
000449	1. Kế toán tài chính 3	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
001739	2. Kế toán Doanh nghiệp Thương mại Dịch vụ và Kinh doanh Xuất nhập khẩu	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
001740	3. Kế toán Doanh nghiệp Xây lắp và đơn vị chủ đầu tư	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
001959	4. Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	Kế toán	2	(0, 120, 0)	x
000898	Thực tập cuối khóa ngành kế toán	Kế toán	5	(0, 300, 0)	x
001874	Khóa luận tốt nghiệp ngành Kế toán	Kế toán	9	(0, 540, 0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001737	1. Kế toán doanh nghiệp sản xuất	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
001736	2. Thực hành kế toán doanh nghiệp	Kế toán	3	(0, 90, 90)	x
001734	3. Hành nghề kế toán kiểm toán	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
	2.3.2. Modul 2: Kế toán nhà hàng khách sạn		25		
001733	1. Kế toán nhà hàng	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
001732	2. Kế toán khách sạn	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
001730	3. Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn 1	Kế toán	3	(0, 90, 90)	x
001960	4. Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn	Kế toán	2	(0, 120, 0)	x
000898	Thực tập cuối khóa ngành kế toán	Kế toán	5	(0, 300, 0)	x
001874	Khóa luận tốt nghiệp ngành Kế toán	Kế toán	9	(0, 540, 0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001731	1. Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn 2	Kế toán	3	(0, 90, 90)	x
001737	2. Kế toán doanh nghiệp sản xuất	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
001734	3. Hành nghề kế toán kiểm toán	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
	2.3.3. Modul 3: Kế toán công		25		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
000441	1. Kế toán hành chính sự nghiệp	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
001727	2. Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
001729	3. Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp	Kế toán	3	(0, 90, 90)	x
001962	4. Tiểu luận 2: Chuyên ngành Kế toán công	Kế toán	2	(0, 120, 0)	x
000898	Thực tập cuối khóa ngành kế toán	Kế toán	5	(0, 300, 0)	x
001874	Khóa luận tốt nghiệp ngành Kế toán	Kế toán	9	(0, 540, 0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001726	1. Thực hành Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	Kế toán	3	(0, 90, 90)	x
001725	2. Kế toán ngân sách và tài chính xã	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
001734	3. Hành nghề kế toán kiểm toán	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
	2.3.4. Modul 4: Kế toán kiểm toán		25		
000454	1. Kiểm toán báo cáo tài chính	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
001724	2. Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
001723	3. Thực hành Kiểm toán BCTC	Kế toán	3	(0, 90, 90)	x
001961	4. Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán kiểm toán	Kế toán	2	(0, 120, 0)	x
000898	Thực tập cuối khóa ngành kế toán	Kế toán	5	(0, 300, 0)	x
001874	Khóa luận tốt nghiệp ngành Kế toán	Kế toán	9	(0, 540, 0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001722	1. Kiểm toán hoạt động	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
001721	2. Kiểm toán nội bộ	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x
001734	3. Hành nghề kế toán kiểm toán	Kế toán	3	(39, 12, 90)	x

8.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
I		Học kỳ 1		
1	001535	Triết học Mác-Lênin	Lý thuyết	3
2	000585	Pháp luật đại cương	Lý thuyết	2

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
3	000718	Giáo dục thể chất 1	Giáo Dục Thể Chất	1
4	000564	Kinh tế vi mô	Lý thuyết	2
5	000567	Nguyên lý thống kê	Lý thuyết	2
6	001153	Quản trị doanh nghiệp	Lý thuyết	3
7	001104	Marketing căn bản	Lý thuyết	3
II		Học kỳ 2		
1	001102	Xác suất thống kê	Lý thuyết	3
2	001942	Tiếng Anh 1	Lý thuyết	4
3	000719	Giáo dục thể chất 2	Giáo Dục Thể Chất	1
4	000565	Kinh tế vĩ mô	Lý thuyết	2
5	000568	Pháp luật kinh tế	Lý thuyết	2
6	001212	Nguyên lý kế toán	Lý thuyết	3
7	001109	Tài chính - tiền tệ	Lý thuyết	3
III		Học kỳ 3		
1	001536	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Lý thuyết	2
2	001537	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Lý thuyết	2
3	001943	Tiếng Anh 2	Lý thuyết	4
4	002151	Kỹ năng nhận thức bản thân		1
5	001431	Luật kế toán và hệ thống chuẩn mực kế toán	Lý thuyết	3
6	000447	Kế toán tài chính 1	Lý thuyết	3
7	001250	Hệ thống thông tin kế toán	Lý thuyết	3
IV		Học kỳ 4		
1	001944	Tiếng Anh 3	Lý thuyết	4
2	002164	Kỹ năng nghề nghiệp - Kế toán	Lý thuyết	1
3	002200	Giáo dục quốc phòng - HP1	Giáo Dục Quốc Phòng	3
4	002201	Giáo dục quốc phòng - HP2	Giáo Dục Quốc Phòng	2
5	002202	Giáo dục quốc phòng - HP3	Giáo Dục Quốc Phòng	1
6	002203	Giáo dục quốc phòng - HP4	Giáo Dục Quốc Phòng	2
7	000465	Thực tập Kế toán tài chính 1	Thực hành	3
8	000448	Kế toán tài chính 2	Lý thuyết	3
9	000455	Kiểm toán căn bản	Lý thuyết	3

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
V		Học kỳ 5		
1	001945	Tiếng Anh 4	Lý thuyết	4
2	000739	Giáo dục thể chất 3	Giáo Dục Thể Chất	1
3	001162	Tiểu luận 1	Thực hành	2
4	000479	Tin học ứng dụng kế toán	HP sử dụng phòng Máy Tính Chung	3
5	000445	Kế toán quản trị 1	Lý thuyết	3
6	000466	Thực tập Kế toán tài chính 2	Thực hành	3
7	001100	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	Lý thuyết	3
VI		Học kỳ 6		
1	000573	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Lý thuyết	2
2	000740	Giáo dục thể chất 4	Giáo Dục Thể Chất	1
3	000666	Tài chính doanh nghiệp	Lý thuyết	3
4	001251	Kế toán quản trị 2	Lý thuyết	3
5	001301	Thuế và Kế toán thuế	Lý thuyết	3
6	000458	Phân tích báo cáo tài chính	Lý thuyết	3
7	000449	Kế toán tài chính 3	LT_Modul 1: KTDN	3
8	001732	Kế toán khách sạn	LT_Modul 2: KTNHKS	3
9	000441	Kế toán hành chính sự nghiệp	LT_Modul 3: KTC	3
10	000454	Kiểm toán báo cáo tài chính	LT_Modul 4: KTKiT	3
VII		Học kỳ 7		
1	002129	Kỹ năng Phỏng vấn xin việc	Lý thuyết	1
2	001745	Thực tập Thuế và Kế toán thuế	Thực hành	3
3	001340	Kế toán máy	HP sử dụng phòng Máy Tính Chung	3
4	001744	Thực tập Phân tích BCTC	Thực hành	3
5	001739	Kế toán Doanh nghiệp Thương mại Dịch vụ và Kinh doanh Xuất nhập khẩu	LT_Modul 1: KTDN	3
6	001740	Kế toán Doanh nghiệp Xây lắp và đơn vị chủ đầu tư	LT_Modul 1: KTDN	3
7	001959	Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	TH_Modul 1: KTDN	2
8	001733	Kế toán nhà hàng	LT_Modul 2: KTNHKS	3

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
9	001730	Thực tập kế toán nhà hàng, khách sạn 1	TH_Modul 2: KTNHKS	3
10	001960	Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn	TH_Modul 2: KTNHKS	2
11	001727	Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	LT_Modul 3: KTC	3
12	001729	Thực tập kế toán hành chính sự nghiệp	TH_Modul 3: KTC	3
13	001962	Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán công	TH_Modul 3: KTC	2
14	001724	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	LT_Modul 4: KTKiT	3
15	001723	Thực hành Kiểm toán BCTC	TH_Modul 4: KTKiT	3
16	001961	Tiểu luận 2: Chuyên ngành kiểm toán	TH_Modul 4: KTKiT	2
VIII		Học kỳ 8		
1	001538	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Lý thuyết	2
2	002378	Toán ứng dụng trong kinh tế	Lý thuyết	3
3	000898	Thực tập cuối khóa	Doanh nghiệp	5
4	001737	Kế toán doanh nghiệp sản xuất	LT_Modul 1: KTDN	3
5	001736	Thực tập Kế toán doanh nghiệp	TH_Modul 1: KTDN	3
6	001734	Hành nghề kế toán kiểm toán	LT_Modul 1: KTDN	3
7	001731	Thực tập kế toán nhà hàng, khách sạn 2	TH_Modul 2: KTNHKS	3
8	001737	Kế toán doanh nghiệp sản xuất	LT_Modul 2: KTNHKS	3
9	001734	Hành nghề kế toán kiểm toán	LT_Modul 2: KTNHKS	3
10	001726	Thực tập Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	TH_Modul 3: KTC	3
11	001725	Kế toán ngân sách và tài chính xã	LT_Modul 3: KTC	3
12	001734	Hành nghề kế toán kiểm toán	LT_Modul 3: KTC	3
13	001722	Kiểm toán hoạt động	LT_Modul 4: KTKiT	3
14	001721	Kiểm toán nội bộ	LT_Modul 4: KTKiT	3
15	001734	Hành nghề kế toán kiểm toán	LT_Modul 4: KTKiT	3
Cộng:				148

9. MA TRẬN ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN THEO YÊU CẦU NĂNG LỰC CỦA CHUẨN ĐẦU RA

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																								
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)										Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)								Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973) 1-5						
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22	CĐR 23	CĐR 24	CĐR 25
		1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	1.4.1	1.4.2	1.4.3	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.2.3	3.2.4
1.	Triết học Mác Lê nin	3	3									2											3	3	3	
1.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	3	3									2											3	3	3	
2.	CNXH khoa học	3	3									2										3		3	3	
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3									3									3				3	
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3									3									3				3	
5.	Pháp luật Đại cương		3									2	2	2	2						2	2		2		
6.	Toán ứng dụng trong kinh tế	3	3														2				2	2	2			
7.	Xác suất thống kê		3	3																2			2			
8.	Tiếng Anh 1				2																					
9.	Tiếng Anh 2				2																					
10.	Tiếng Anh 3				3																					
11.	Tiếng Anh 4				3																					

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																								
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)										Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)								Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973) 1-5						
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22	CĐR 23	CĐR 24	CĐR 25
		1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	1.4.1	1.4.2	1.4.3	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.2.3	3.2.4
12.	Kỹ năng nhận thức bản thân	3																							3	
13.	Kỹ năng nghề nghiệp - Kế toán	2	3			3						3				3	3	3	3			3			3	
14.	Kỹ năng phỏng vấn xin việc		2	2							3	3				3	3	3	3		3	3				2
15.	Giáo dục thể chất 1		3																3			2				2
16.	Giáo dục thể chất 2		3																3			2				2
17.	Giáo dục thể chất 3			3														3			3					
18.	Giáo dục thể chất 4		3																3			2				2
19.	Giáo dục quốc phòng – HP1		2																							
20.	Giáo dục quốc phòng – HP2		2																							
21.	Giáo dục quốc phòng – HP3		3																							
22.	Giáo dục quốc phòng – HP4		3																							
23.	Kinh tế vi mô		3			3											3		3	3		3				
24.	Kinh tế vĩ mô		3			3											3		3	3		2				

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																								
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)										Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)								Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973) 1-5						
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22	CĐR 23	CĐR 24	CĐR 25
		1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	1.4.1	1.4.2	1.4.3	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.2.3	3.2.4
25.	Nguyên lý thống kê		3			3											3		2	3		2				
26.	Quản trị doanh nghiệp		3			3		3									3			3		3				
27.	Pháp luật kinh tế		3			3											3	3	2	3		2	4			
28.	Nguyên lý kế toán			2			3	3	3			3	3	3	2	3					2			2	2	
29.	Tài chính tiền tệ					3	3	2		2	2						3	3		3		3				
30.	Marketing căn bản		3			3		2									3		2	4		4				
31.	Luật và hệ thống chuẩn mực kế toán			3			3				4			3			3	3	4		4	4	4			
32.	Kế toán tài chính 1								3	3	3	3	3				3	3		2		3		2	3	
33.	Thực hành Kế toán tài chính 1						3	3	4	3		3	3				3	3	3			3	3	3	4	
34.	Tiểu luận : Thu thập số liệu kế toán						3	3	3	3	3	3	3	3			3	3	3		3	3		3		
35.	Kế toán tài chính 2								3	3	3	3		3			3		3	3		2	3		3	
36.	Tin học ứng dụng kế toán		2				3		3			3	3	3			3	3	3		3	3		3		
37.	Kế toán quản trị 1						3	2	3	3		3		3			3	3			3	3	3	3		
38.	Kiểm toán căn bản						3	3	4						3		3	3				3		4	4	

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																								
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)										Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)								Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973) 1-5						
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22	CĐR 23	CĐR 24	CĐR 25
		1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	1.4.1	1.4.2	1.4.3	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.2.3	3.2.4
39.	Thực hành kế toán tài chính 2						3	3	4	4	3	3	3		3		3		4	3		4	3	3	3	
40.	Tài chính doanh nghiệp						3	3	4					3			3	3				3		3	3	
41.	Kế toán quản trị 2						3	3	3	3					3	3	3	3			3	3	3	3		
42.	Thuế và kế toán thuế						2	3	3			3	3	3			3	3	3		3	3	3			
43.	Thực hành Thuế và kế toán thuế						3		4		4		3			4		4			3	3	3			
44.	Kế toán máy			3					3	3		3		3		3	4					3	3	3		
45.	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế			3			4				4			3			3	4	4		3	3	3	3	3	
46.	Hệ thống thông tin kế toán						3		3	3		3	3		3		3	3	4		3	3	3			
47.	Phân tích báo cáo tài chính						3		4					4			3	3			3	3		3		
48.	Thực hành phân tích báo cáo tài chính						4		5					4			3	3			4	3	3			
49.	Kế toán tài chính 3						3		3	4	4	4		4				3	3		3		3	4	3	

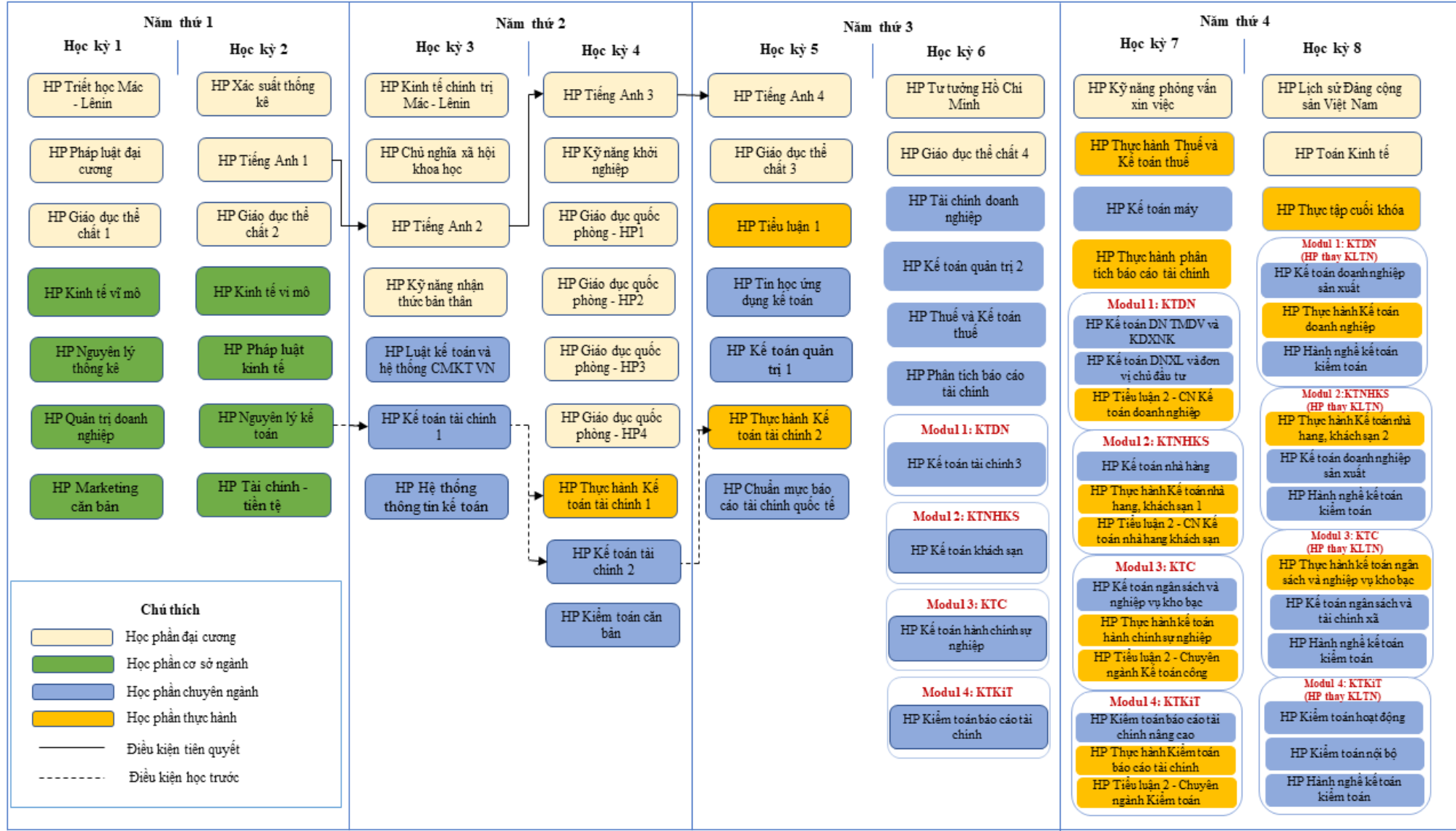
TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																								
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)										Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)								Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973) 1-5						
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22	CĐR 23	CĐR 24	CĐR 25
		1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	1.4.1	1.4.2	1.4.3	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.2.3	3.2.4
50.	Kế toán Doanh nghiệp Thương mại Dịch vụ và Kinh doanh Xuất nhập khẩu								4	4	3	4		4				3				3		3	4	
51.	Kế toán Doanh nghiệp Xây lắp và đơn vị chủ đầu tư								3	4	3	4		3				3				3		3	3	
52.	Tiểu luận 2-Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp						3	3	4	4		4	3				3		3	3	3	3		3	4	
53.	Thực tập cuối khóa (Ngành kế toán DN)						3		4	4	4	4	4				4	4	4		3	3	4	4		
54.	Khóa luận tốt nghiệp (Ngành kế toán DN)						3		4	4	5	4	4	4			4	4	5		3	3	4	4		
55.	Kế toán doanh nghiệp sản xuất								4	4	4	3	3				3	3		4		3		3	4	
56.	Thực hành kế toán doanh nghiệp						4	4	4	4		4	4		4		3		3	4	3	3	3		4	
57.	Hành nghề kế toán kiểm toán						3			4				4				4		3		3		4	4	
58.	Kế toán nhà hàng						3		3	3	3	3	3	3			3					3	3			
59.	Kế toán khách sạn						3		3	3	3	3	3	3				3				3	3	3		

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																								
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)										Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)								Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973) 1-5						
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22	CĐR 23	CĐR 24	CĐR 25
		1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	1.4.1	1.4.2	1.4.3	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.2.3	3.2.4
60.	Thực hành kế toán nhà hàng khách sạn 1						3		3							3		4				3	3	3		
61.	Tiểu luận 2-Chuyên ngành kế toán Nhà hàng khách sạn						3		3			3	3			3	3	3				3	3	3		
62.	Thực tập cuối khóa (Chuyên ngành Kế toán Nhà hàng khách sạn)						3		3		3	3	3	3			3	3	3		3	3	3	3		
63.	Khóa luận tốt nghiệp (Chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn)						3		3	3	3	3	3	3			3	3	3		3	3	3	3		
64.	Thực hành kế toán nhà hàng khách sạn 2			3			3		3	3		3				3	3			3		3	3			3
65.	Kế toán doanh nghiệp sản xuất								4	4	4	3	3				3	3		4		3		3	4	
66.	Hành nghề kế toán kiểm toán						3			4				4				4		3		3		4	4	
67.	Kế toán hành chính sự nghiệp						4		4			3	3	3			4	4	4		3	3	4			
68.	Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc						4		4		4	3		3				4	4		3	3	4			

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																								
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)										Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)								Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973) 1-5						
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22	CĐR 23	CĐR 24	CĐR 25
		1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	1.4.1	1.4.2	1.4.3	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.2.3	3.2.4
69.	Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp						4		4		4	3	3	3	4	3	4				3	3	4			
70.	Tiểu luận 2-Chuyên ngành Kế toán công						4		4			4	4			4	4	4			3	3	4			
71.	Thực tập cuối khóa (chuyên ngành kế toán công)			3			3		4	4	4	4	4	4			4	4	4		3	3	4	4		
72.	Khóa luận tốt nghiệp (chuyên ngành kế toán công)						3		4	4	4	4	4	4			4	4	4		3	3	4	4		
73.	Thực hành kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc						3		4		4	3	4				4	4			3	4	4			
74.	Kế toán ngân sách và tài chính xã								4	4	4	3	4					4			3	4	4			
75.	Hành nghề kế toán kiểm toán						3			4				4				4		3		3		4	4	
76.	Kiểm toán báo cáo tài chính						3		4			4					3	4				3	3	4		

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																								
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)										Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)								Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973) 1-5						
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22	CĐR 23	CĐR 24	CĐR 25
		1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	1.4.1	1.4.2	1.4.3	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.2.3	3.2.4
77.	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao								3	3	4	4		4			3	4			4			3	4	
78.	Thực hành Kiểm toán báo cáo tài chính							3	4		4	4					4	4		4	4	3		4		
79.	Tiểu luận 2-Chuyên ngành Kế toán kiểm toán							4		5				4	4		4	4	4		4		4	4		
80.	Thực tập cuối khóa (Chuyên ngành Kế toán kiểm toán)					4	4		4	5	5	4					4	4		4		4	4	4	4	
81.	Khóa luận tốt nghiệp (Chuyên ngành Kế toán kiểm toán)						4			5				4	4		4	4	4		4		4	4	4	3
82.	Kiểm toán hoạt động						3		3	4				3	4		3	3			3			3	3	
83.	Kiểm toán nội bộ								3	4	4			3	4		3				3	3		4		
84.	Hành nghề kế toán kiểm toán						3			4				4				4		3		3		4	4	

10. SƠ ĐỒ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO



11. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

Kiến thức giáo dục đại cương (38 TC)

1. Triết học Mac-Lênin

(Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(33, 24, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Triết học Mác - Lênin là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy đầu tiên trong những môn thuộc hệ thống các môn khoa học Mác - Lênin, như môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam. Học phần từng bước trang bị cho sinh viên thiết lập được thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành cần đào tạo. Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra

2. Kinh tế chính trị Mác- Lênin

(Số TC: 2)

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Triết học Mác - Lênin

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin thuộc Bộ môn Nguyên lý chủ nghĩa Mác- Lênin, được xây dựng theo chương trình lý luận chính trị mới của Bộ Giáo dục & Đào tạo năm 2019, nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức của kinh tế chính trị Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Học phần giúp sinh viên có khả năng hiểu, phân tích những vấn đề lý luận cơ bản như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa hiện, đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Ngoài ra, học phần cũng hướng tới việc hình thành kỹ năng, tư duy, tầm nhìn của sinh viên khi tham gia hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo của nhà trường. Chủ động sáng tạo trong công việc, khắc phục tư tưởng bảo thủ trì trệ. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên.

3.CNXH khoa học

(Số TC: 2)

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Triết học Mác - Lênin; KTCT Mác - Lênin

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

(Số TC: 2)

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Triết học Mác - Lênin; KTCT Mác - Lênin, CNXHKKH

- Tóm tắt nội dung học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Cung cấp cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

(Số TC: 2)

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Triết học Mác - Lênin; KTCT Mác - Lênin, CNXHKKH

- Tóm tắt nội dung học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930) và quá trình lãnh đạo cách mạng từ 1930 đến nay, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đổi mới. Được thể hiện ở các nội dung: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

6. Pháp luật Đại cương

(Số TC: 2)

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo sinh viên đại học. Học phần trang bị cho người

học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng và các kiểu nhà nước, pháp luật. Đồng thời, học phần cũng giúp người học tìm hiểu, nghiên cứu kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, bộ máy nhà nước Việt Nam, quyền sở hữu, quyền thừa kế, hợp đồng, vi phạm pháp luật hành chính, tội phạm, và quy định pháp luật về phòng chống tham nhũng. Từ đó, người học có thể hiểu và vận dụng được kiến thức lý luận cũng như một số quy định pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.

7. Toán ứng dụng trong kinh tế

(Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36,18, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Toán ứng dụng trong kinh tế là học phần cơ sở của chương trình đào tạo đại học các ngành khối Kinh tế, đặc biệt quan trọng trong các ngành điều khiển kinh tế và quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các bài toán quy hoạch tuyến tính, các phương pháp giải bài toán quy hoạch tuyến tính, quy hoạch tuyến tính đối ngẫu, bài toán vận tải và thuật toán thế vị, lý thuyết sơ đồ mạng và ứng dụng trong việc quản trị dự án theo thời gian

8. Xác suất thống kê

(Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36,18, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Xác suất thống kê là học phần cơ sở của chương trình đào tạo đại học các ngành Kỹ thuật và Kinh tế. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê gồm: lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu và các bài toán cơ bản của thống kê như ước lượng, kiểm định giả thiết, hồi quy và tương quan.

9. Tiếng Anh 1

(Số TC: 4)

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24, 120)

- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào ≥ 200

- *Học phần học trước*: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

Học phần tiếng Anh 1 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực.

Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

10. Tiếng Anh 2

(Số TC: 4)

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24, 120)

- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào ≥ 275

- *Học phần học trước*: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Học phần tiếng Anh 2 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực.

Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

11. Tiếng Anh 3

(Số TC: 4)

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24, 120)

- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào ≥ 350

- *Học phần học trước*: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

Học phần tiếng Anh 3 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực.

Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết tin nhắn tốt hơn.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

12. Tiếng Anh 4

(Số TC: 4)

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24, 120)
- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào ≥ 425
- *Học phần học trước*: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần tiếng Anh 4 là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nâng cao, giúp sinh viên phát triển khả năng tư duy theo các chủ đề, khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, tạo nền tảng cho việc phát triển nghề nghiệp tương lai. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

Học phần tiếng Anh 4 giúp người học phát triển các khối kiến thức nâng cao về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp như thuyết trình, hội họp, đàm phán, điện thoại và giao tiếp xã hội.

Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên tư duy và giải quyết vấn đề một cách chủ động.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Ngữ pháp tổng hợp của từng bài.

13. Kỹ năng nhận thức bản thân

(Số TC: 1)

Phân bố thời gian học tập: 1(13, 4, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kỹ năng nhận thức bản thân là học phần thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Học phần giúp cho sinh viên có sự hiểu biết chính xác về bản thân, bao gồm ưu điểm và khuyết điểm, tư duy, cảm xúc và những động lực thúc đẩy bản thân trong cuộc sống. Kỹ năng này giải thích những thành công cũng như những thất bại của chúng ta, cho chúng ta biết chúng ta là ai và chúng ta cần gì từ đồng đội của mình để tạo nên một tập thể đoàn kết. Kỹ năng nhận thức bản thân sẽ giúp chúng ta nâng cao khả năng tự nhận thức của bản thân đối với công việc và cuộc sống cá nhân.

14. Kỹ năng nghề nghiệp - Kế toán

(Số TC: 1)

Phân bố thời gian học tập: 1(13, 4, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Nguyên lý kế toán
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kỹ năng nghề nghiệp - Kế toán là học phần được giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành kế toán. Học phần này được bố trí thực hiện sau các học phần kiến thức cơ sở. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khởi nghiệp để có

Bản mô tả CTĐT thể vận dụng vào thực tế, tạo nền tảng vững chắc về ý thức khởi sự kinh doanh từ đó khơi gợi, thúc đẩy cho sinh viên tinh thần khởi nghiệp; đồng thời thông qua môn học giúp sinh viên rèn luyện lại kỹ năng đã được học tập ở kỳ trước như kỹ năng làm việc nhóm, đồng thời bổ sung các kỹ năng cần thiết cho công việc sau này như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng phân tích, lựa chọn, kỹ năng đàm phán, kỹ năng tin học văn phòng...từ đó giúp sinh viên xây dựng hành trang trong tương lai, làm chủ công việc, hình thành năng lực tự chủ cho sinh viên và hình thành kỹ năng làm việc chuyên nghiệp.

15. Kỹ năng phỏng vấn xin việc

(Số TC: 1)

Phân bố thời gian học tập: 1(13, 4, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kỹ năng phỏng vấn và xin việc là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành kế toán và tài chính ngân hàng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức của kỹ năng phỏng vấn và tìm việc hiệu quả như: (Khái niệm, tầm quan trọng, nguyên nhân, qui trình, nguyên tắc, yêu cầu, kỹ thuật viết CV, kỹ thuật trả lời câu hỏi, các dạng câu hỏi trong phỏng vấn) và các kỹ năng cơ bản gồm kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và viết CV; Kỹ năng chuẩn bị cho bản thân khi phỏng vấn; kỹ năng trả lời câu hỏi hiệu quả; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng tự học, kỹ năng nghiên cứu vấn đề.

16. Giáo dục thể chất 1

Số TC: 1 (0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giáo dục thể chất 1 (điền kinh 1) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Lịch sử hình thành và phát triển môn điền kinh, thể dục cơ bản; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý chấn thương trong thể thao. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện nội dung chạy ngắn. Kỹ năng vận động môn chạy ngắn (100m), thể dục tay không 45 động tác, bài tập hỗ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy ngắn, phát triển thể lực ; phát triển thể lực chung và chuyên môn chạy ngắn.

17. Giáo dục thể chất 2

Số TC: 1 (0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giáo dục thể chất 2 (điền kinh 2) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Hiểu biết về tầm quan trọng của chạy bền đối với sức khỏe con người; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý những phản ứng sinh lý xấu khi tập luyện chạy bền. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện chạy cự ly trung bình (800m-nữ, 1500m- nam). Kỹ năng vận động chạy cự ly trung bình, thể dục tay không 40 động tác, bài tập hỗ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy cự ly trung bình, phát triển thể lực; phát triển thể lực chung.

18. Giáo dục thể chất 3

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 3 (cầu lông 1) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Biết lợi ích tác dụng của tập luyện cầu lông, một số điều luật thi đấu cầu lông. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện kỹ thuật cầu lông. Kỹ năng kỹ thuật đánh cầu bên phải, trái thấp tay, phát cầu trái tay, phát cầu thuận tay. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong tập luyện cầu lông. Học phần này là tiền đề để giảng dạy và học tập học phần giáo dục thể chất 4 (cầu lông 2).

19. Giáo dục thể chất 4

Số TC: 1 (0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 4 (cầu lông 2) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Biết một số điều luật thi đấu cầu lông; chiến thuật đánh đơn, đôi trong thi đấu cầu lông; cách thức tổ chức thi đấu và trọng tài cầu lông. Kỹ năng kỹ thuật đập cầu chính diện, phong cầu. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong tập luyện cầu lông.

20. Giáo dục quốc phòng - HP1

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (37, 8, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt nam là học phần bắt buộc, thuộc phần kiến thức chung nhằm trang bị những hiểu biết cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh; truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân, có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự, kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ tổ quốc.

21. Giáo dục quốc phòng – HP2

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (22, 8, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: HP1

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; phòng, chống

vi phạm pháp luật về môi trường, an toàn giao thông, xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, vi phạm pháp luật trên không gian mạng và an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

22. Giáo dục quốc phòng – HP3

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (14, 16, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* HP1 và HP2

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần 3. Quân sự chung gồm các nội dung: Các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Hiểu biết các quân, binh chủng trong quân đội; Điều lệnh đội ngũ từng người có súng; Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự; Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao và Ba môn quân sự phối hợp.

23. Giáo dục quốc phòng – HP4

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (15, 35, 10)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* HP1, HP2, HP3

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng tiểu liên AK và luyện tập bắn súng AK bài 1b; luyện tập ném lựu đạn bài 1; huấn luyện những động tác cơ bản chiến thuật chiến đấu bộ binh: các tư thế vận động trên chiến trường, cách quan sát phát hiện mục tiêu, lợi dụng địa hình, địa vật, hành động của cá nhân trong công sự, ngoài công sự trong chiến đấu tiến công và phòng ngự. Nội dung bao gồm: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; ném lựu đạn bài 1; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)

24. Kinh tế vi mô

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26, 8, 60) Số TC: 2

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kinh tế vi mô là học phần cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Tài chính – Ngân hàng. Học phần trang bị những kiến thức về kinh tế thị trường như cung - cầu hàng hóa; Lý thuyết về người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi doanh nghiệp; Cạnh tranh và độc quyền; Thị trường các yếu tố sản xuất; Hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của chính phủ.

25. Kinh tế vĩ mô

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26, 8, 60) Số TC: 2

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Kinh tế vĩ mô

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kinh tế vĩ mô là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán. Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý thuyết và các phương pháp phân tích sự vận động của nền kinh tế tổng thể, bao gồm: những nguyên lý chung của kinh tế học; nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể; cách xác định những biến số kinh tế vĩ mô chủ yếu; phân tích sự biến động của nền kinh tế và các kiến thức ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô.

26. Nguyên lý thống kê

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26, 8, 60) Số TC: 2

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Kinh tế vi mô, xác suất thống kê

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Nguyên lý thống kê kinh tế là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần là môn học nền tảng cho nghiên cứu trang bị những vấn đề lý luận về khoa học thống kê: nghiên cứu mặt lượng trong mối quan hệ với mặt chất của hiện tượng kinh tế xã hội số lớn gắn liền với các điều kiện không gian và thời gian cụ thể. Nội dung cơ bản của học phần là nghiên cứu quá trình tổ chức điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán các hiện tượng kinh tế-xã hội.

27. Quản trị doanh nghiệp

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90) Số TC: 3

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Quản trị doanh nghiệp là học phần cơ sở của chương trình đào tạo Đại học ngành Kế toán, Tài chính ngân hàng. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản khái quát về doanh nghiệp, chức năng nhiệm vụ và quản trị cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, hoạch định chương trình của quản trị doanh nghiệp. Đồng thời đi sâu vào vào một số nghiệp vụ quản trị cụ thể như: Quản trị nhân sự, kỹ thuật công nghệ, chi phí, kết quả, chính sách tài chính, quản trị vật tư và công tác kiểm soát trong doanh nghiệp.

28. Pháp luật kinh tế

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26, 8, 60) Số TC: 2

- *Học phần tiên quyết:* Pháp luật đại cương

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Luật kinh tế là học phần cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành kinh tế học phần này được bố trí giảng dạy sau học phần Pháp luật đại cương học phần trang bị cho người học những kiến thức về pháp luật trong hoạt động kinh doanh, bao gồm hai nội dung chính: Những vấn đề lý luận cơ bản về Luật kinh tế Việt Nam và việc áp dụng pháp luật kinh tế trong quản lý nền kinh tế và Những chế định cơ bản của Luật kinh tế Việt Nam: Pháp luật về chủ thể kinh doanh, pháp luật tài chính, pháp luật về hợp đồng, pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về phá sản và hoạt động thương mại theo quy định của pháp luật.

29. Nguyên lý kế toán

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36, 18, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Nguyên lý kế toán là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành kinh tế. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò, yêu cầu, nhiệm vụ, nguyên tắc, đối tượng của kế toán. Đồng thời, học phần cũng nêu lên các phương pháp kế toán cơ bản như: Phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối và vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hạch toán kế toán các hoạt động chủ yếu trong doanh nghiệp.

30. Tài chính tiền tệ

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90) Số TC: 3

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tài chính tiền tệ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và tổng quát về Tài chính và tiền tệ; mối liên hệ tương quan trực tiếp giữa các khâu trong hệ thống tài chính bao gồm: Ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, bảo hiểm, tín dụng và tài chính hộ gia đình và thông qua thị trường tài chính

31. Marketing căn bản

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90) Số TC: 3

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Marketing căn bản là học phần thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh và là môn cơ sở của khối ngành Kinh tế. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh, bao gồm: Tổng quan về Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing, các yếu tố môi trường tác động hoạt động marketing của doanh nghiệp, các yếu tố tác động đến hành vi tiêu dùng của khách hàng và cách ứng xử của doanh nghiệp trong việc xác định thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm trên thị trường và đưa ra các quyết định marketing hỗn hợp nhằm phục vụ thị trường hiệu quả.

32. Luật và hệ thống chuẩn mực KT Việt Nam

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Nguyên lý kế toán

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Luật kế toán và hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo Đại học khối ngành kinh tế. Học phần trang bị cho người học những kiến thức mang tính hệ thống về Luật kế toán, hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam. Từ đó giúp học viên có thể nghiên cứu, hiểu được quy trình xây dựng

hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, học viên hiểu để lập sổ sách chứng từ theo đúng luật kế toán quy định cho các học phần thực hành, thực tập cuối khóa, và lập báo cáo tài chính.

33. Kế toán tài chính 1 (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Nguyên lý kế toán

- *Học phần học trước*: Nguyên lý kế toán

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán tài chính 1 là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên của ngành về kế toán về kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.

34. Thực hành Kế toán tài chính 1 (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 90, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Nguyên lý kế toán

- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 1

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thực hành kế toán tài chính 1 là học phần thuộc thực tập khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán. Học phần này được bố trí thực hiện sau học phần Kế toán tài chính 1 và các học phần kiến thức cơ sở. Nội dung chính của học phần là trang bị kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cho sinh viên nhằm hiện nhiệm vụ kế toán các phần hành: Kế toán nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm thông qua việc lập, kiểm tra, luân chuyển chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết; ghi sổ kế toán tổng hợp và phản ánh các chỉ tiêu kinh tế liên quan vào Báo cáo tài chính.

35. Tiểu luận 1: Thu thập số liệu kế toán (Số TC: 2)

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(0, 120, 0)

- *Học phần tiên quyết*: không

- *Học phần học trước*: thực hành kế toán tài chính 1,2

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tiểu luận 1 là học phần thực tập thuộc khối kiến thức ngành Kế toán. Sinh viên lựa chọn một doanh nghiệp đang hoạt động, đến kiến tập hoặc khai thác dữ liệu trực tuyến để viết báo cáo về tổ chức công tác kế toán và thu thập số liệu kế toán. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm về tổ chức bộ máy kế toán; tổ chức hệ thống thông tin kế toán; quy trình lập, kiểm tra, luân chuyển chứng từ kế toán; tổ chức kiểm tra kế toán và cách thức thu thập các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong một kỳ hạch toán tại doanh nghiệp.

36. Kế toán tài chính 2 (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 1

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán tài chính 2 là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên về kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm; kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán; kế toán vốn chủ sở hữu và các quỹ của doanh nghiệp; kế toán lợi nhuận và phân phối lợi nhuận; Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp.

37. Tin học ứng dụng kế toán (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 1

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Tin học ứng dụng kế toán là học phần bắt buộc, thuộc phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị những kiến thức về hệ thống thông tin kế toán các doanh nghiệp dựa trên cơ sở của công nghệ thông tin và chương trình phần mềm MICROSOFT EXCEL để xử lý số liệu kế toán. Từ đó, giúp người học có những kiến thức kỹ thuật tính toán chuyên sâu ứng dụng phần mềm MICROSOFT EXCEL trong kế toán tài chính DN.

38. Kế toán quản trị 1 (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Nguyên lý kế toán

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách thức sử dụng thông tin kế toán phục vụ cho việc lựa chọn hệ thống hạch toán chi phí, phân loại chi phí, phân loại giá thành, quản trị giá thành cho các loại hình doanh nghiệp sản xuất khác nhau. Cung cấp thông tin chi phí để tính điểm hòa vốn, phân tích chi phí – khối lượng – lợi nhuận, sử dụng thông tin để ra các quyết định về cơ cấu chi phí, giá bán, tổ chức quản trị bán hàng và kết quả kinh doanh.

39. Kiểm toán căn bản

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90) Số TC: 3

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: kế toán tài chính 1

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần kiểm toán căn bản là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất về bản chất, chức năng, đối tượng và các loại hình kiểm toán; các khái niệm cơ bản trong kiểm toán; phương pháp, kỹ thuật và quy trình thực hiện một cuộc kiểm toán; tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán trong các loại hình kiểm toán khác nhau.

40. Thực hành Kế toán tài chính 2 (Số TC: 3)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 90, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 2' Thực hành Kế toán tài chính 1

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thực hành kế toán tài chính 2 là học phần thuộc thực tập khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán. Học phần này được bố trí thực hiện sau học phần Kế toán tài chính 2 và Thực hành kế toán tài chính 1. Nội dung chính của học phần là trang bị kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cho sinh viên nhằm hiện nhiệm vụ kế toán các phần hành kế toán các phần hành kế toán thành phẩm và tiêu thụ thành phẩm; kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán; kế toán nguồn vốn chủ sở hữu và các quỹ của doanh nghiệp; kế toán lợi nhuận và phân phối lợi nhuận thông qua việc lập, kiểm tra, luân chuyển chứng từ; ghi sổ kế toán chi tiết, ghi sổ kế toán tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

41. Tài chính doanh nghiệp

- Phân bổ thời gian học tập 3 (39,12,90) Số TC: 3
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không

-*Tóm tắt nội dung học phần*: Tài chính doanh nghiệp là môn khoa học cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan các vấn đề về tài chính của DN như công tác lập kế hoạch huy động các loại vốn; chi phí sử dụng vốn, các quyết định đầu tư; phân tích tài chính doanh nghiệp cũng như kế hoạch hóa tài chính, dự báo tình hình tài chính trong doanh nghiệp.

42. Kế toán quản trị 2 Số TC: 3

Phân bổ thời gian học tập: 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Kế toán quản trị 1

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán quản trị 2 là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức về: khái niệm, đặc điểm của bộ phận phục vụ, của báo cáo bộ phận; nguyên tắc phân bổ chi phí và vận dụng các nguyên tắc phân bổ để phân bổ chi phí của các bộ phận phục vụ cho các bộ phận chức năng. Đồng thời, học phần cũng nêu những kiến thức chung về việc lập, phân tích một số báo cáo kế toán quản trị; về khái niệm, trình tự và phương pháp dự toán; về quá trình thu thập, xử lý thông tin để đưa ra các quyết định ngắn hạn, dài hạn; tổ chức ghi nhận và hạch toán chi phí theo hoạt động và cách thức đánh giá trách nhiệm của các trung tâm doanh thu, chi phí, lợi nhuận và đầu tư.

43. Thuế và kế toán thuế Số TC: 3(39, 12, 90)

- *Phân bổ thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 2

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thuế và kế toán thuế là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo Đại học ngành Kế toán. Học phần trang bị những nội dung cơ bản về các sắc thuế và kế toán các loại thuế: Thuế GTGT; Thuế TTĐB; Thuế xuất - nhập khẩu; Thuế

thu nhập doanh nghiệp; Các loại thuế và phí khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

44. Thực hành Thuế và kế toán thuế

Số TC: 3(0, 90, 90)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 90, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Thuế và kế toán thuế

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần thực tập thuế và kế toán thuế bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- + Lập hóa đơn và các chứng từ tổng hợp cuối kỳ
- + Lập bảng tổng hợp chi tiết hàng tồn kho và bảng tổng hợp chi tiết công nợ
- + Ghi sổ kế toán tổng hợp
- + Lập bảng cân đối số phát sinh các tài khoản
- + Lập báo cáo tài chính

45. Kế toán máy

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Tin học ứng dụng kế toán

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần kế toán máy là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức chung của chương trình đào tạo Đại học ngành kế toán.

Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cho sinh viên về các khái niệm cơ bản, hệ thống phần mềm kế toán, quy trình xử lý chung của một số phần mềm kế toán; giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường tiếp cận nhanh nhất và có thể sử dụng ngay được với phần mềm kế toán để xử lý các thông tin kế toán trong DN.

46. Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế

Số TC: 3(39, 12, 90)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 2

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Chuẩn mực BCTC quốc tế là học phần cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học chuyên ngành kế toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế; khuôn khổ của việc lập, trình bày báo cáo tài chính; tìm hiểu các chuẩn mực kế toán quốc tế có liên quan đến các chỉ tiêu trình bày trên báo cáo tài chính và các chuẩn mực báo cáo tài chính cụ thể. Trên cơ sở đó thấy được định hướng và cơ sở áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế tại Việt Nam.

47. Hệ thống thông tin kế toán

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Nguyên lý kế toán

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Hệ thống thông tin kế toán là học phần tự chọn thuộc phần kiến thức cơ sở ngày trong chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần này được bố trí giảng dạy sau học phần Nguyên lý kế toán. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin nói chung và hệ thống thông tin kế toán nói riêng với các nội dung cụ thể trong 5 chương bao gồm: Tổng quan về hệ thống thông tin kế toán; Tổ chức dữ liệu trong hệ thống thông tin kế toán; Tổ chức thông tin trong các chu trình kế toán, kiểm soát hệ thống thông tin kế toán; Phân tích, thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống thông tin kế toán.

48. Phân tích báo cáo tài chính

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39,12,90)

Số TC: 3

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* kế toán tài chính 2

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần phân tích báo cáo tài chính (BCTC) là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về phân tích BCTC, đánh giá khái quát tình hình tài chính và phân tích các chỉ số tài chính và dự báo các chỉ tiêu tài chính.

49. Thực hành Phân tích báo cáo tài chính

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(0,90,90)

Số TC: 3

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Phân tích Báo cáo tài chính

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành phân tích báo cáo tài chính là học phần thực tập chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán. Học phần hướng dẫn sinh viên tiến hành phân tích khái quát tình hình tài chính trên cơ sở số liệu BCTC của doanh nghiệp đồng thời cũng hướng dẫn sinh viên sẽ tính toán và phân tích các chỉ số tài chính cơ bản của doanh nghiệp cũng như sẽ tiến hành dự báo chỉ tiêu tài chính cho doanh nghiệp.

Modun 1: Kế toán doanh nghiệp

50. Kế toán tài chính 3

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39,12,90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Kế toán tài chính 2

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán tài chính 3 là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán doanh nghiệp. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên của ngành về kế toán ngoại tệ; kế toán thanh toán nội bộ, kế toán phát hành trái phiếu; kế toán các hoạt động đầu tư; kế toán phát hành cổ phiếu, kế toán dự phòng tổn thất tài sản và Báo cáo tài chính hợp nhất trong doanh nghiệp.

51. Kế toán DNTMDV và KDXNK

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39,12,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 3

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ và kinh doanh xuất nhập khẩu là học phần kiến thức chuyên sâu chuyên ngành kế toán doanh nghiệp. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên của ngành về kế toán trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ và các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu.

52. Kế toán DNXL và đơn vị chủ đầu tư

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 3

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần kế toán doanh nghiệp xây lắp và đơn vị chủ đầu tư là học phần bắt buộc, thuộc phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán doanh nghiệp. Học phần trang các kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên về kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán tài sản cố định; kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành; kế toán doanh thu và chi phí hợp đồng xây dựng; kế toán đầu tư xây dựng cơ bản trong doanh nghiệp xây lắp; kế toán tại đơn vị chủ đầu tư và kế toán tại ban quản lý dự án

53. Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(0,120,0)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Tiểu luận 1

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Sinh viên kế thừa nội dung tổ chức công tác kế toán và bộ số liệu kế toán đã thu thập được trong học phần Tiểu luận 1, tiến hành xử lý bộ số liệu kế toán đó bằng một trong các công cụ excel hoặc phần mềm kế toán. Sản phẩm cuối cùng là bộ chứng từ kế toán; hệ thống sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp và Báo cáo tài chính theo đúng chế độ kế toán hiện hành của Bộ tài chính.

54. Thực tập cuối khóa

Số TC: 5

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(0,300,0)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Tiểu luận 2

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Thực tập cuối khóa chuyên ngành kế toán doanh nghiệp hướng dẫn sinh viên lựa chọn một doanh nghiệp: Doanh nghiệp sản xuất; doanh nghiệp thương mại, dịch vụ; doanh nghiệp xây lắp; doanh nghiệp sản xuất và thương mại, ... Tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại đơn vị thực tập trong một kỳ kế toán về tất cả các phần hành kế toán. Kết thúc thời gian thực tập, sinh viên phải viết báo cáo thực tập cuối khóa về công tác kế toán tại đơn vị thực tập (có dấu xác nhận của đơn vị thực tập).

Nội dung báo cáo thực tập cuối khóa gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về doanh nghiệp “X”

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán tại doanh nghiệp “X”

Chương 3: Một số kiến nghị về công tác kế toán tại doanh nghiệp “X”

55. Khóa luận tốt nghiệp

Số TC: 9

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(0,540,0)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Tích lũy đủ số lượng tín chỉ các học phần theo chương trình đào tạo của ngành quy định

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành kế toán doanh nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán doanh nghiệp. Học phần khóa luận tốt nghiệp trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, và vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề chuyên sâu của lĩnh vực kế toán trong các doanh nghiệp. Khi thực hiện khóa luận tốt nghiệp sinh viên sẽ được đề xuất đề tài hoặc được giao đề tài và được giảng viên phụ trách hướng dẫn khoa học. Sau thời gian thực hiện theo qui định, sinh viên sẽ nộp báo cáo khóa luận đã hoàn thành để được kiểm tra, đánh giá.

Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp

56. Kế toán doanh nghiệp sản xuất

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 1, 2, 3

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán doanh nghiệp sản xuất là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học chuyên ngành kế toán doanh nghiệp. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên về kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất.

57. Thực hành kế toán doanh nghiệp

Số TC: 3

Phân bố thời gian học tập: 3(0,90,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Thực tập kế toán tài chính 2

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thực hành kế toán doanh nghiệp là học phần thực tập chuyên ngành kế toán doanh nghiệp của chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán. Học phần này được bố trí thực hiện sau học phần Thực hành kế toán tài chính 1, 2 và các học phần kiến thức ngành. Nội dung chính của học phần là thực hiện nhiệm vụ kế toán trong doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh hỗn hợp (sản xuất kết hợp với thương mại, xây lắp, ...) thông qua việc lập, kiểm tra, luân chuyển chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết; ghi sổ kế toán tổng hợp và phản ánh các chỉ tiêu kinh tế liên quan vào Báo cáo tài chính.

58. Hành nghề kế toán kiểm toán

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)

Số TC: 3

- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kiểm toán căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần hành nghề kế toán, kiểm toán là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về dịch vụ kế toán, kiểm toán trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, học phần cũng giới thiệu trình tự và phương pháp tổ chức công việc; trách nhiệm, quyền hạn của kế toán, kiểm toán với tư cách là một nghề trong hoạt động kinh doanh cũng như các quy định của nhà nước về quản lý và kiểm soát chất lượng dịch vụ kế toán, kiểm toán, đạo đức nghề nghiệp của kế toán, kiểm toán viên hành nghề.

Modun 2: Kế toán nhà hàng khách sạn

59. Kế toán nhà hàng

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 2
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán nhà hàng là học phần kiến thức chuyên sâu thuộc chuyên ngành kế toán nhà hàng, khách sạn của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị cho sinh viên các nội dung: Tổng quan về kế toán nhà hàng, Kế toán các yếu tố chi phí đầu vào trong hoạt động kinh doanh nhà hàng; Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; Kế toán doanh thu, xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận; Báo cáo tài chính..

60. Kế toán khách sạn

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 1
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần kế toán khách sạn là học phần bắt buộc, thuộc phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán, chuyên ngành kế toán nhà hàng khách sạn. Học phần trang bị cho sinh viên về kế toán các yếu tố cơ bản trong quá trình hoạt động kinh doanh khách sạn; kế toán chi phí, giá thành, doanh thu, xác định kết quả kinh doanh và lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp kinh doanh khách sạn.

61. Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn 1

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 90, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kế toán khách sạn
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Thực tập kế toán nhà hàng, khách sạn 1 là học phần bắt buộc, thuộc phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán chuyên ngành kế toán nhà hàng, khách sạn. Nội dung học phần bao gồm hai phần chính: Thực hành kế toán nhà hàng trên phần mềm Ipos ACC và thực hành kế toán khách sạn trên phần mềm Misa

62. Tiểu luận 2- Chuyên ngành kế toán Nhà hàng khách sạn Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(0, 120, 0)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Nội dung học phần tiểu luận 2 chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn hướng dẫn sinh viên tìm hiểu thực tế về một doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nhà hàng khách sạn. Từ đó thu thập và xử lý số liệu kế toán bằng phần mềm kế toán chuyên dụng cho nhà hàng khách sạn.

63. Thực tập cuối khóa

Số TC: 5

- *Phân bố thời gian học tập*: 5 (0, 300, 0)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Tiểu luận 2

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Thực tập cuối khóa chuyên ngành kế toán Nhà hàng khách sạn bao gồm các nội dung cơ bản sau:

* Sinh viên lựa chọn một doanh nghiệp nhà hàng hoặc khách sạn. Sinh viên tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại đơn vị thực tập trong một kỳ kế toán về tất cả các phần hành kế toán liên quan. Kết thúc thời gian thực tập, sinh viên phải viết báo cáo thực tập cuối khóa về công tác kế toán tại đơn vị thực tập (có dấu xác nhận của đơn vị thực tập).

* Nội dung báo cáo thực tập cuối khóa gồm:

- Tổng quan về doanh nghiệp “X”

- Thực trạng công tác kế toán tại doanh nghiệp “X”

- Một số kiến nghị về công tác kế toán tại doanh nghiệp “X”

64. Khóa luận tốt nghiệp

Số TC: 9

- *Phân bố thời gian học tập*: 9 (0, 540, 0)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần khóa luận tốt nghiệp trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, và vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề chuyên sâu trong các doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng khách sạn.

Học phần này yêu cầu sinh viên thực hiện một đề tài nghiên cứu có nội dung liên quan đến các kiến thức chuyên ngành kế toán nhà hàng khách sạn. Khi thực hiện khóa luận tốt nghiệp sinh viên sẽ được đề xuất đề tài hoặc được giao đề tài và được giảng viên phụ trách hướng dẫn khoa học. Sau thời gian thực hiện theo quy định sinh viên sẽ nộp báo cáo khóa luận đã hoàn thành để được kiểm tra, đánh giá.

Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp

65. Thực hành kế toán nhà hàng khách sạn 2

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 90, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kế toán khách sạn

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Thực tập kế toán nhà hàng, khách sạn 2 là học phần thực tập chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán, chuyên ngành kế toán nhà hàng, khách sạn. Học phần này được bố trí thực hiện sau học phần kế toán quản trị 1,2 và các học phần kiến thức cơ sở.

Nội dung chính của học phần là thực hiện nhiệm vụ lập báo cáo quản trị để đưa ra quyết định kinh doanh thông qua việc thực tập lập và phân tích chính sách bán hàng, chính sách sản phẩm của doanh nghiệp nhà hàng, khách sạn.

66. Kế toán doanh nghiệp sản xuất

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 1, 2, 3

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán doanh nghiệp sản xuất là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học chuyên ngành kế toán doanh nghiệp. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên về kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất.

67. Hành nghề kế toán kiểm toán

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)

Số TC: 3

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kiểm toán căn bản

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần hành nghề kế toán, kiểm toán là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về dịch vụ kế toán, kiểm toán trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, học phần cũng giới thiệu trình tự và phương pháp tổ chức công việc; trách nhiệm, quyền hạn của kế toán, kiểm toán với tư cách là một nghề trong hoạt động kinh doanh cũng như các quy định của nhà nước về quản lý và kiểm soát chất lượng dịch vụ kế toán, kiểm toán, đạo đức nghề nghiệp của kế toán, kiểm toán viên hành nghề.

Modun 3: Kế toán công

68. Kế toán hành chính sự nghiệp

Số TC: 3(39, 12, 90)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kế toán tài chính 2

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán hành chính sự nghiệp là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo Đại học ngành Kế toán, được đưa vào giảng ở những năm cuối của khóa học đại học sau khi học xong các học phần kế toán tài chính 1,2,3. Học phần trang bị cho người học có sự hiểu biết những kiến thức cơ bản chuyên ngành về kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp. Cung cấp cho người học nhận thức và hiểu biết về nội dung tổ chức

công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp, kế toán vốn bằng tiền, vật tư, sản phẩm, hàng hóa, tài sản cố định, kế toán thanh toán, kế toán nguồn kinh phí và các khoản thu, chi và lập các báo cáo tài chính trong đơn vị hành chính sự nghiệp

69. Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc Số TC: 3(39, 12, 90)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kế toán hành chính sự nghiệp

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán Ngân sách và nghiệp vụ kho bạc là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành kinh tế. Học phần trang bị những kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên về các phần hành kế toán vốn bằng tiền, kế toán dự toán chi ngân sách nhà nước, kế toán thu – chi ngân sách nhà nước, kế toán vay nợ và trả nợ vay, các báo cáo tài chính ngân sách nhà nước tại kho bạc nhà nước.

70. Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp Số TC: 3(0, 90, 90)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 90, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kế toán hành chính sự nghiệp

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lập chứng từ, ghi sổ sách kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các đơn vị hành chính sự nghiệp như kế toán vốn bằng tiền, vật tư, sản phẩm hàng hóa, tài sản cố định. Kế toán các khoản thanh toán. Kế toán nguồn kinh phí các khoản thu chi. Kế toán lập báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán.

71. Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán công Số TC: 2 (0,120, 0)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 90, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kế toán hành chính sự nghiệp

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Nội dung học phần tiểu luận 2 chuyên ngành Kế toán công hướng dẫn sinh viên tìm hiểu thực tế về đặc điểm hoạt động, đặc điểm tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán, thu thập số liệu kế toán và xử lý số liệu kế toán tại một đơn vị hành chính sự nghiệp. Sản phẩm cuối cùng là báo cáo tiểu luận 2 với các thông tin chung về đơn vị hành chính sự nghiệp, bộ chứng từ kế toán, Sổ kế toán chi tiết, Sổ kế toán tổng hợp và Báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính theo đúng mẫu biểu quy định hiện hành của Bộ tài chính

72. Thực tập cuối khóa Số TC: 5 (0, 300, 0)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 90, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Tiểu luận 2

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Thực tập cuối khóa chuyên ngành Kế toán công bao gồm các nội dung cơ bản sau:

Sinh viên lựa chọn một đơn vị hành chính sự nghiệp, tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại đơn vị thực tập trong một kỳ kế toán về tất cả các phần hành kế toán liên quan. Kết thúc thời gian thực tập, sinh viên phải viết báo cáo thực tập cuối khóa về công tác kế toán tại đơn vị thực tập (có dấu xác nhận của đơn vị thực tập).

Nội dung báo cáo thực tập cuối khóa gồm:

- + Tổng quan về đơn vị hành chính sự nghiệp “X”
- + Thực trạng công tác kế toán tại đơn vị hành chính sự nghiệp X
- + Một số kiến nghị về công tác kế toán tại đơn vị hành chính sự nghiệp “X”

73. Khóa luận tốt nghiệp

Số TC: 9 (0, 540, 0)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 90, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần song hành*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần khóa luận tốt nghiệp trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, và vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề chuyên sâu trong các tổ chức, đơn vị sự nghiệp.

Học phần này yêu cầu sinh viên thực hiện một đề tài nghiên cứu có nội dung liên quan đến các kiến thức chuyên ngành kế toán công. Khi thực hiện khóa luận tốt nghiệp sinh viên sẽ được đề xuất đề tài hoặc được giao đề tài và được giảng viên phụ trách hướng dẫn khoa học. Sau thời gian thực hiện theo qui định sinh viên sẽ nộp báo cáo khóa luận đã hoàn thành để được kiểm tra, đánh giá

Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp

74. Thực hành Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc

Số TC: 3(0, 90, 90)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 90, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Tiểu luận 2

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần rèn luyện kỹ năng thực hành tay nghề kế toán về lập chứng từ và vào sổ kế toán liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc như: Kế toán vốn bằng tiền; kế toán thu ngân sách nhà nước; kế toán dự toán chi ngân sách nhà nước; kế toán chi ngân sách nhà nước; kế toán vay nợ và trả nợ vay; các báo cáo tài chính kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc.

75. Kế toán ngân sách và tài chính xã

Số TC: 3 (39, 12, 90)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 90, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Tiểu luận 2

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kế toán ngân sách và tài chính xã là môn khoa học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung công tác kế toán, tổ chức kế toán và tổ chức bộ máy kế toán ngân sách và tài chính xã thông qua các phần hành kế toán cụ thể. Đồng thời,

cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập và phân tích báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán ngân sách và tài chính xã.

76. Hành nghề kế toán kiểm toán

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39,12,90)

Số TC: 3

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Kiểm toán căn bản

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần hành nghề kế toán, kiểm toán là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về dịch vụ kế toán, kiểm toán trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, học phần cũng giới thiệu trình tự và phương pháp tổ chức công việc; trách nhiệm, quyền hạn của kế toán, kiểm toán với tư cách là một nghề trong hoạt động kinh doanh cũng như các quy định của nhà nước về quản lý và kiểm soát chất lượng dịch vụ kế toán, kiểm toán, đạo đức nghề nghiệp của kế toán, kiểm toán viên hành nghề.

Modun 4: Kế toán kiểm toán

77. Kiểm toán báo cáo tài chính

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39,12,90)

Số TC: 3

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Kiểm toán căn bản

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kiểm toán báo cáo tài chính là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản trong kiểm toán báo cáo tài chính về khái niệm, mục tiêu, đối tượng Kiểm toán báo cáo tài chính và các phương pháp sử dụng trong Kiểm toán báo cáo tài chính, trình tự tiến hành một cuộc kiểm toán BCTC. Trên cơ sở đó tiếp tục trang bị cho người học kiến thức về lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán các phần hành cơ bản trên báo cáo tài chính và tổng hợp đưa ra kết luận, lập và phát hành báo cáo kiểm toán.

78. Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39,12,90)

Số TC: 3

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Kiểm toán báo cáo tài chính

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán/chuyên ngành kế toán – kiểm toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về: Kiểm toán chu trình huy động và hoàn trả vốn; Kiểm toán chu trình xác định và phân phối kết quả; Kiểm toán thuế; Kiểm toán chi phí phải trả, chi phí trả trước; Kiểm toán các khoản phải thu – phải trả nội bộ, phải thu – phải trả khác; Các vấn đề chuyên sâu khác trong kiểm toán báo cáo tài chính.

79. Thực hành kiểm toán BCTC

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(0,90,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kiểm toán báo cáo tài chính

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thực hành Kiểm toán BCTC là học phần thực hành chuyên ngành bắt buộc thuộc chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Nội dung chính của học phần là trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết của một trợ lý kiểm toán trong giai đoạn khởi đầu của nghề nghiệp kiểm toán, thông qua việc lập kế hoạch kiểm toán, tiến hành các thủ tục kiểm toán các phần hành cơ bản theo hồ sơ kiểm toán mẫu, tổng hợp và đưa ra kết luận kiểm toán.

80. Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán kiểm toán

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(0,120,0)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kiểm toán báo cáo tài chính

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Nội dung học phần tiểu luận 2 chuyên ngành Kế toán kiểm toán hướng dẫn sinh viên lựa chọn một doanh nghiệp đang hoạt động trên thực tế, sau đó tìm hiểu về hoạt động kiểm toán, kiểm soát quản lý và phân tích tài chính tại doanh nghiệp đó. Học phần giúp cho sinh viên có các kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức và nghề nghiệp cần thiết của một trợ lý kiểm toán trong giai đoạn đầu của nghề kiểm toán, giúp sinh viên hiểu được cơ bản những hoạt động kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ và các quy trình kiểm soát, phân tích tài chính trong doanh nghiệp đồng thời có thể vận dụng kiến thức chuyên môn đưa ra được các đề xuất hoàn thiện các hoạt động kiểm toán, kiểm soát quản lý và phân tích tài chính doanh nghiệp.

81. Thực tập cuối khóa

- *Phân bố thời gian học tập*: 5(0,300,0)

Số TC: 3

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Tiểu luận 2

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Thực tập cuối khóa chuyên ngành Kế toán kiểm toán hướng dẫn sinh viên lựa chọn một doanh nghiệp (Doanh nghiệp sản xuất; doanh nghiệp thương mại, dịch vụ; doanh nghiệp xây lắp; doanh nghiệp sản xuất và thương mại, ...) trong thực tế. Từ đó tìm hiểu thực tế kiểm soát nội bộ tại đơn vị thực tập về tất cả các chu trình nghiệp vụ chủ yếu tại doanh nghiệp bao gồm: các quy định, thủ tục kiểm soát nội bộ liên quan đến chu trình đó. Kết thúc thời gian thực tập, sinh viên phải viết báo cáo thực tập cuối khóa về công tác kiểm soát nội bộ tại đơn vị thực tập (có dấu xác nhận của đơn vị thực tập). Nội dung báo cáo thực tập gồm 3 phần chính là: Tổng quan về doanh nghiệp "X", Thực trạng công tác kiểm soát nội bộ tại doanh nghiệp "X", Một số kiến nghị về công tác kiểm soát nội bộ tại doanh nghiệp "X"

82. Khóa luận tốt nghiệp

- *Phân bố thời gian học tập*: 9(0,540,0)

Số TC: 3

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Tiểu luận 2

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành kế toán kiểm toán là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán kiểm toán. Trên cơ sở kiến thức về kế toán kiểm toán đã được đào tạo tại trường, sinh viên sẽ hệ thống hóa lý thuyết cũng như dụng kiến thức đã học để phân tích, đánh giá các vấn đề về kế toán kiểm toán tại các đơn vị, doanh nghiệp từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp. Sản phẩm hoàn thành cuối cùng của sinh viên là báo cáo khóa luận tốt nghiệp của các đề tài nghiên cứu được trình bày theo đúng các yêu cầu về nội dung và hình thức quy định của Nhà trường.

Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp

83. Kiểm toán hoạt động

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39,12,90)

Số TC: 3

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Kiểm toán báo cáo tài chính

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần kiểm toán hoạt động là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán, chuyên ngành kế toán kiểm toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về loại hình kiểm toán hoạt động và ứng dụng vào kiểm toán các hoạt động chủ yếu của một tổ chức và kiểm toán hoạt động ngân sách nhà nước. Học phần đề cập đến nội dung kiểm toán các hoạt động chủ yếu của một tổ chức nhằm đánh giá 3 mục tiêu chính: Tính hiệu lực, tính kinh tế, tính hiệu quả của các hoạt động, trên cơ sở đó giúp các đơn vị quản lý và sử dụng tốt nhất các nguồn lực của đơn vị và đạt được các mục tiêu mà đơn vị đã đề ra.

84. Kiểm toán nội bộ

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39,12,90)

Số TC: 3

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Kiểm toán báo cáo tài chính

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần kiểm toán nội bộ là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán, chuyên ngành kế toán-kiểm toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất về nội dung của loại hình kiểm toán nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán nội bộ; bản chất, cơ cấu và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ tại doanh nghiệp; quy trình kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp từ khi chuẩn bị kiểm toán, thực hiện kiểm toán, kết thúc kiểm toán và theo dõi đánh giá công việc sau kiểm toán; làm rõ một số chuyên đề kiểm toán nội bộ; báo cáo kiểm toán nội bộ.

85. Hành nghề kế toán kiểm toán

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39,12,90)

Số TC: 3

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Kiểm toán căn bản

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần hành nghề kế toán, kiểm toán là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về dịch vụ kế toán, kiểm toán trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, học phần cũng giới thiệu trình tự và phương pháp tổ chức công việc; trách nhiệm, quyền hạn

Bản mô tả CTĐT của kế toán, kiểm toán với tư cách là một nghề trong hoạt động kinh doanh cũng như các quy định của nhà nước về quản lý và kiểm soát chất lượng dịch vụ kế toán, kiểm toán, đạo đức nghề nghiệp của kế toán, kiểm toán viên hành nghề.

12. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

12.1. Đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

12.1.1. Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	TCTN 3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.	KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	TCTN 4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	
	KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	

12.1.2. Đối sánh giữa Chuẩn đầu ra của CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

Khung TĐQG	Chuẩn đầu ra của CTĐT																								
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12	CĐR13	CĐR14	CĐR15	CĐR16	CĐR17	CĐR18	CĐR19	CĐR20	CĐR21	CĐR22	CĐR23	CĐR24	CĐR25
KT1						X		X	X	X															
KT2	X	X																							
KT3			X	X																					
KT4					X		X																		
KT5					X		X																		
KN1											X	X	X	X	X										
KN2																X	X	X	X						
KN3																X	X								
KN4																			X						
KN5																X			X						
KN6																		X							
TCTN1																					X	X	X	X	
TCTN2																				X					
TCTN3																				X				X	X
TCTN4																				X					

12.2. Đối sánh khung chương trình đào tạo

12.2.1. So sánh CTĐT với CTĐT tương ứng của Trường Đại học Kinh tế quốc dân

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Kế toán)			Đại học Kinh tế Quốc dân (Ngành: Kế toán)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
1	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	35	26%	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	26	19.7%
	1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn.	13	9.6%	1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn.	14	10.6%
1	Triết học Mác-Lênin	3		Triết học Mác-Lênin	3	
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2		Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	
3	CNXH Khoa học	2		CNXH Khoa học	2	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	
6	Pháp luật đại cương	2		Pháp luật đại cương	3	
	1.2. Kiến thức toán và khoa học cơ bản	6	4.4%	1.2. Kiến thức toán và khoa học cơ bản	3	2.3%
7	Toán ứng dụng trong kinh tế	3		Toán cho các nhà kinh tế	3	
8	Xác suất thống kê	3				
	1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ	16	11.8%	1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ	9	6.8%
9	Tiếng Anh 1	4		Ngoại ngữ	9	
10	Tiếng Anh 2	4				
11	Tiếng Anh 3	4				
12	Tiếng Anh 4	4				
	2. Kỹ năng bổ trợ	3	2.2%	2. Kỹ năng bổ trợ	0	0%
13	Kỹ năng nhận thức bản thân	1				
14	Kỹ năng nghề nghiệp - Kế toán	1				
15	Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1				
16	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2				
17	Soạn thảo văn bản	2				
18	Văn hóa kinh doanh	2				
	3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	98	72%	3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	106	80.3%

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Kế toán)			Đại học Kinh tế Quốc dân (Ngành: Kế toán)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	3.1 Kiến thức cơ sở ngành	20	14.7%	3.1 Kiến thức cơ sở ngành	21	15.9%
19	Kinh tế vi mô	2		Kinh tế vi mô	3	
20	Kinh tế vĩ mô	2		Kinh tế vĩ mô	3	
21	Nguyên lý thống kê	2		Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	3	
22	Quản trị doanh nghiệp	3		Quản lý học 1	3	
23	Pháp luật kinh tế	2		Kinh tế lượng 1	3	
24	Nguyên lý kế toán	3		Nguyên lý kế toán	3	
25	Tài chính – tiền tệ	3		Lý thuyết Tài chính – tiền tệ	3	
26	Marketing căn bản	3				
	3.2 Kiến thức ngành	53	39.0%	3.2 Kiến thức ngành	57	43.2%
	Kiến thức bắt buộc	44	32.4%	Kiến thức bắt buộc	42	31.8%
27	Luật kế toán và hệ thống chuẩn mực KT Việt Nam	3		Kế toán công 1	3	
28	Kế toán tài chính 1	3		Kế toán tài chính 1	3	
29	Thực tập Kế toán tài chính 1	3				
30	Tiểu luận 1: Thu thập số liệu kế toán	2				
31	Kế toán tài chính 2	3		Kế toán tài chính 2	3	
32	Tin học ứng dụng kế toán	3				
33	Kế toán quản trị 1	3		Kế toán quản trị 1	3	
34	Kiểm toán căn bản	3		Kiểm toán căn bản	3	
35	Thực tập Kế toán tài chính 2	3		Phân tích báo cáo tài chính	3	
36	Tài chính doanh nghiệp	3		Phân tích kinh doanh	3	
37	Kế toán quản trị 2	3		Kế toán quản trị 2	3	
38	Thuế và kế toán thuế	3		Kiểm soát nội bộ	3	
39	Thực tập Thuế và Kế toán thuế	3		Hệ thống thông tin kế toán 1	3	
40	Kế toán máy	3		Kế toán tài chính 3	3	
41	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	3		Kế toán quốc tế	3	
				Kiểm toán tài chính 1	3	
				Đề án môn học - Kế toán	3	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Kế toán)			Đại học Kinh tế Quốc dân (Ngành: Kế toán)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	Kiến thức tự chọn (SV chọn 3 học phần)	9	6.6%	Kiến thức tự chọn (SV chọn 5 học phần trong tổ hợp)	15	11.4%
42	Hệ thống thông tin kế toán	3		Kế toán nâng cao 1	3	
43	Phân tích báo cáo tài chính	3		Hệ thống thông tin kế toán 2	3	
44	Thực tập Phân tích BCTC	3		Kiểm toán tài chính 2	3	
45	Thống kê kinh doanh	3		Lịch sử kinh tế	2	
46	Kế toán tập đoàn – Tổng công ty	3		Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	3	
47	Thực tập Kế toán tập đoàn Tổng công ty	3		Kế toán dự án đầu tư	3	
				Pháp luật kinh tế	3	
				Marketing căn bản	3	
				Thẩm định dự án đầu tư		
	3.3. Kiến thức tự chọn theo modul	25	18.4%	3.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)	18	13.6%
	Modun 1: Kế toán doanh nghiệp	25	18.4%	Kế toán chi phí	3	
48	Kế toán tài chính 3	3		Kế toán nâng cao 2	3	
49	Kế toán DNTMDV và KDXNK	3		Kế toán công 2	3	
50	Kế toán DNXL và đơn vị chủ đầu tư	3		Phân tích dữ liệu trong kế toán	3	
51	Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	2		Kiểm soát quản lý	3	
52	Thực Tập Cuối Khóa	5		Tài chính doanh nghiệp	3	
53	Khóa luận tốt nghiệp	9		Tài chính công	3	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			Hành vi tổ chức	3	
54	Kế toán doanh nghiệp sản xuất	3		Thuế	3	
55	Thực tập kế toán doanh nghiệp	3		Ngân hàng thương mại	3	
56	Hành nghề kế toán kiểm toán	3		Thị trường chứng khoán	3	
	Modun 2: Kế toán nhà hàng khách sạn	25	18.4%	3.4. Khóa luận tốt nghiệp	10	7.6%
57	Kế toán nhà hàng	3				
58	Kế toán khách sạn	3				
59	Thực tập kế toán nhà hàng, khách sạn 1	3				

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Kế toán)			Đại học Kinh tế Quốc dân (Ngành: Kế toán)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
60	Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn	2				
61	Thực Tập Cuối Khóa	5				
62	Khóa luận tốt nghiệp	9				
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp					
63	Thực tập kế toán nhà hàng, khách sạn 2	3				
64	Kế toán doanh nghiệp sản xuất	3				
65	Hành nghề kế toán kiểm toán	3				
	Modun 3: Kế toán công	25	18.4%			
66	Kế toán hành chính sự nghiệp	3				
67	Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	3				
68	Thực tập kế toán hành chính sự nghiệp	3				
69	Tiểu luận 2: Chuyên ngành Kế toán công	2				
70	Thực Tập Cuối Khóa	5				
71	Khóa luận tốt nghiệp	9				
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp					
72	Thực tập Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	3				
73	Kế toán ngân sách và tài chính xã	3				
74	Hành nghề kế toán kiểm toán	3				
	Modun 4: Kế toán kiểm toán	25	18.4%			
75	Kiểm toán báo cáo tài chính	3				
76	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	3				
77	Thực tập Kiểm toán BCTC	3				
78	Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán kiểm toán	2				

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Kế toán)			Đại học Kinh tế Quốc dân (Ngành: Kế toán)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
79	Thực Tập Cuối Khóa	5				
80	Khóa luận tốt nghiệp	9				
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp					
81	Kiểm toán hoạt động	3				
82	Kiểm toán nội bộ	3				
83	Hành nghề kế toán kiểm toán	3				
	Tổng tín chỉ CTĐT	136	100%	Tổng tín chỉ CTĐT	132	100%

12.2.2. So sánh CTĐT với CTĐT tương ứng của Trường Đại học Thương mại

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Kế toán)			Đại học Thương Mại (Ngành: Kế toán)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	35	25.7%	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	29	24.2%
	1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn.	13	9.6%	1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn.	13	10.8%
1	Triết học Mác-Lênin	3		Triết học Mác-Lênin	3	
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2		Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	
3	CNXH Khoa học	2		CNXH Khoa học	2	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	
6	Pháp luật đại cương	2		Pháp luật đại cương	2	
	1.2. Kiến thức toán và khoa học cơ bản	6	4.4%	1.2. Kiến thức toán và khoa học cơ bản	8	6.7%
7	Toán ứng dụng trong kinh tế	3		Toán đại cương	3	
8	Xác suất thống kê	3		Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
				Tin học quản lý	3	
	1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ	16	11.8%	1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ	6	5.0%
9	Tiếng Anh 1	4		Tiếng Anh 1	2	
10	Tiếng Anh 2	4		Tiếng Anh 2	2	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Kế toán)			Đại học Thương Mại (Ngành: Kế toán)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
11	Tiếng Anh 3	4		Tiếng Anh 3	2	
12	Tiếng Anh 4	4				
	2. Kỹ năng bổ trợ	3		2. Kỹ năng bổ trợ	2	1.7%
13	Kỹ năng nhận thức bản thân	1		<i>Chọn 2TC trong các học phần</i>		
14	Kỹ năng nghề nghiệp - Kế toán	1		Lịch sử kinh tế Việt Nam	2	
15	Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1		Xã hội học đại cương	2	
16	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2		Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	
17	Soạn thảo văn bản	2				
18	Văn hóa kinh doanh	2				
	3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	98	72.1%	3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	91	75.8%
	3.1 Kiến thức cơ sở ngành	20	14.7%	3.1 Kiến thức cơ sở ngành	27	22.5%
19	Kinh tế vi mô	2		Các học phần bắt buộc	16	13.3%
20	Kinh tế vĩ mô	2		Nguyên lý kế toán	3	
21	Nguyên lý thống kê	2		Nhập môn tài chính tiền tệ	3	
22	Quản trị doanh nghiệp	3		Nguyên lý Thống kê	3	
23	Pháp luật kinh tế	2		Luật kinh tế 1	3	
24	Nguyên lý kế toán	3		Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	
25	Tài chính – tiền tệ	3		Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	
26	Marketing căn bản	3		Các học phần tự chọn <i>Chọn 11 TC trong các HP sau:</i>	11	9.2%
				Kinh tế vi mô 1	3	
				Quản trị học	3	
				Marketing căn bản	3	
				Tài chính công	3	
				Kinh doanh quốc tế	3	
				Quản trị rủi ro	2	
				Kinh tế doanh nghiệp	2	
				Kinh tế môi trường	2	
				Thực hành khai thác dữ liệu trên Internet	2	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Kế toán)			Đại học Thương Mại (Ngành: Kế toán)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	3.2 Kiến thức ngành	53	39.0%	3.2 Kiến thức ngành (bao gồm cả chuyên ngành)	42	35.0%
	Kiến thức bắt buộc	44	32.4%	Kiến thức bắt buộc	30	25.0%
27	Luật kế toán và hệ thống chuẩn mực KT Việt Nam	3		Tổ chức công tác kế toán	3	
28	Kế toán tài chính 1	3		Kế toán tài chính 1	3	
29	Thực tập Kế toán tài chính 1	3		Kế toán tài chính 2	3	
30	Tiểu luận 1: Thu thập số liệu kế toán	2		Kế toán tài chính 3	3	
31	Kế toán tài chính 2	3		Kế toán quốc tế	3	
32	Tin học ứng dụng kế toán	3		Kế toán quản trị doanh nghiệp	3	
33	Kế toán quản trị 1	3		Kiểm toán căn bản	3	
34	Kiểm toán căn bản	3		Phân tích kinh tế doanh nghiệp	3	
35	Thực tập Kế toán tài chính 2	3		Kiểm toán báo cáo tài chính	3	
36	Tài chính doanh nghiệp	3		Kế toán công 1	3	
37	Kế toán quản trị 2	3				
38	Thuế và kế toán thuế	3				
39	Thực tập Thuế và Kế toán thuế	3				
40	Kế toán máy	3				
41	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	3				
	Kiến thức tự chọn (SV chọn 3 học phần)	9	6.6%	Kiến thức tự chọn (SV chọn 12 TC trong các HP sau)	12	10.0%
42	Hệ thống thông tin kế toán	3		Hệ thống thông tin kế toán	3	
43	Phân tích báo cáo tài chính	3		Thực hành kế toán máy	3	
44	Thực tập Phân tích BCTC	3		Kế toán công 2	3	
45	Thống kê kinh doanh	3		Kiểm toán nội bộ	3	
46	Kế toán tập đoàn – Tổng công ty	3		Kế toán ngân hàng thương mại	3	
47	Thực tập Kế toán tập đoàn Tổng công ty	3		Phân tích báo cáo tài chính	3	
				Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính	3	
				Kế toán thuế trong doanh nghiệp	3	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Kế toán)			Đại học Thương Mại (Ngành: Kế toán)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
				Kiểm toán ngân sách nhà nước	3	
	3.3. Kiến thức tự chọn theo modul	25	18.4%	Kiến thức bổ trợ	12	10.0%
	Modun 1: Kế toán doanh nghiệp	25	18.4%	Các học phần bắt buộc	6	5.0%
48	Kế toán tài chính 3	3		Quản trị tài chính 1	3	
49	Kế toán DNTMDV và KDXNK	3		Thống kê kinh doanh	3	
50	Kế toán DNXL và đơn vị chủ đầu tư	3		Các học phần tự chọn <i>Chọn 6 TC trong các HP sau:</i>	6	5.0%
51	Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	2		Quản trị tài chính 2	3	
52	Thực Tập Cuối Khóa	5		Thương mại điện tử căn bản	3	
53	Khóa luận tốt nghiệp	9		Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu	3	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			Pháp luật tài chính và ngân hàng	3	
54	Kế toán doanh nghiệp sản xuất	3		Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	3	
55	Thực tập kế toán doanh nghiệp	3		Đầu tư quốc tế	3	
56	Hành nghề kế toán kiểm toán	3		Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10	8.3%
	Modun 2: Kế toán nhà hàng khách sạn	25	18.4%			
57	Kế toán nhà hàng	3				
58	Kế toán khách sạn	3				
59	Thực tập kế toán nhà hàng, khách sạn 1	3				
60	Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn	2				
61	Thực Tập Cuối Khóa	5				
62	Khóa luận tốt nghiệp	9				
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp					
63	Thực tập kế toán nhà hàng, khách sạn 2	3				
64	Kế toán doanh nghiệp sản xuất	3				

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Kế toán)			Đại học Thương Mại (Ngành: Kế toán)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
65	Hành nghề kế toán kiểm toán	3				
	Modun 3: Kế toán công	25	18.4%			
66	Kế toán hành chính sự nghiệp	3				
67	Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	3				
68	Thực tập kế toán hành chính sự nghiệp	3				
69	Tiểu luận 2: Chuyên ngành Kế toán công	2				
70	Thực Tập Cuối Khóa	5				
71	Khóa luận tốt nghiệp	9				
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp					
72	Thực tập Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	3				
73	Kế toán ngân sách và tài chính xã	3				
74	Hành nghề kế toán kiểm toán	3				
	Modun 4: Kế toán kiểm toán	25	18.4%			
75	Kiểm toán báo cáo tài chính	3				
76	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	3				
77	Thực tập Kiểm toán BCTC	3				
78	Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán kiểm toán	2				
79	Thực Tập Cuối Khóa	5				
80	Khóa luận tốt nghiệp	9				
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp					
81	Kiểm toán hoạt động	3				
82	Kiểm toán nội bộ	3				
83	Hành nghề kế toán kiểm toán	3				
	Tổng tín chỉ CTĐT	136	100%	Tổng tín chỉ CTĐT	120	100%

12.2.3. So sánh CDR với CDR tương ứng của Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Kế toán)			Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (Ngành: Kế toán)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	35	25.7%	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	33	26.6%
	1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn.	13	9.6%	1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn.	13	10.5%
1	Triết học Mác-Lênin	3		Triết học Mác-Lênin	3	
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2		Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	
3	CNXH Khoa học	2		CNXH Khoa học	2	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	
6	Pháp luật đại cương	2		Luật kinh doanh	2	
	1.2. Kiến thức toán và khoa học cơ bản	6	4.4%	1.2. Kiến thức toán và khoa học cơ bản	6	4.8%
7	Toán ứng dụng trong kinh tế	3		Toán dành cho kinh tế và quản trị	3	
8	Xác suất thống kê	3		Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	3	
	1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ	16	11.8%	1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ	8	6.5%
9	Tiếng Anh 1	4		Tiếng Anh giao tiếp thương mại 1	2	
10	Tiếng Anh 2	4		Tiếng Anh giao tiếp thương mại 2	2	
11	Tiếng Anh 3	4		Tiếng Anh giao tiếp thương mại 3	2	
12	Tiếng Anh 4	4		Tiếng Anh giao tiếp thương mại 4	2	
	2. Kỹ năng bổ trợ	3	2.2%	2. Kỹ năng bổ trợ	6	4.8%
13	Kỹ năng nhận thức bản thân	1		Kỹ năng mềm	2	
14	Kỹ năng nghề nghiệp - Kế toán	1		Khởi nghiệp kinh doanh	2	
15	Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1		Khoa học dữ liệu	2	
16	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2		Kỹ năng và học thuật định lượng	2	
17	Soạn thảo văn bản	2				
18	Văn hóa kinh doanh	2				
	3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	98	72.1%	3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	81	65.3%
	3.1 Kiến thức cơ sở ngành	20	14.7%	3.1 Kiến thức cơ sở ngành	45	36.3%

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Kế toán)			Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (Ngành: Kế toán)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
19	Kinh tế vi mô	2		Lý thuyết kinh tế	2	
20	Kinh tế vĩ mô	2		Kinh tế vi mô	2	
21	Nguyên lý thống kê	2		Kinh tế vĩ mô	2	
22	Quản trị doanh nghiệp	3		Nguyên lý kế toán	3	
23	Pháp luật kinh tế	2		Tài chính doanh nghiệp	3	
24	Nguyên lý kế toán	3		Hệ thống thuế Việt Nam	3	
25	Tài chính – tiền tệ	3		Kế toán tài chính căn bản 1	3	
26	Marketing căn bản	3		Kế toán tài chính căn bản 2	3	
				Kế toán công	3	
				Kiểm toán	3	
				Kiểm toán căn bản	3	
				Quản trị nội bộ doanh nghiệp	3	
				Kế toán quản trị 1	3	
				Kế toán quản trị 2	3	
				Hệ thống thông tin kế toán	3	
				Phân tích báo cáo tài chính	3	
	3.2 Kiến thức ngành	53	39.0%	3.2. Kiến thức chuyên ngành	36	29.0%
	Kiến thức bắt buộc	44	32.4%	Kiến thức bắt buộc	30	24.2%
27	Luật kế toán và hệ thống chuẩn mực KT Việt Nam	3		Kế toán tài chính - Các vấn đề mở rộng 1	3	
28	Kế toán tài chính 1	3		Kế toán tài chính - Các vấn đề mở rộng 2	3	
29	Thực tập Kế toán tài chính 1	3		Kế toán quốc tế 1	3	
30	Tiểu luận 1: Thu thập số liệu kế toán	2		Kế toán quốc tế 2	3	
31	Kế toán tài chính 2	3		Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS	3	
32	Tin học ứng dụng kế toán	3		An toàn thông tin kế toán	3	
33	Kế toán quản trị 1	3		Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính	3	
34	Kiểm toán căn bản	3		Kiểm toán báo cáo tài chính	3	
35	Thực tập Kế toán tài chính 2	3		Mô phỏng thực tế và thực tập	3	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Kế toán)			Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (Ngành: Kế toán)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
36	Tài chính doanh nghiệp	3		Tổ chức công tác kế toán trong môi trường công nghệ thông tin	3	
37	Kế toán quản trị 2	3				
38	Thuế và kế toán thuế	3				
39	Thực tập Thuế và Kế toán thuế	3				
40	Kế toán máy	3				
41	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	3				
	Kiến thức tự chọn (SV chọn 3 học phần)	9	6.6%	Kiến thức tự chọn (SV lựa chọn 6 trong 18 tín chỉ)	6	4.8%
42	Hệ thống thông tin kế toán	3		Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	2	
43	Phân tích báo cáo tài chính	3		Thanh toán quốc tế	2	
44	Thực tập Phân tích BCTC	3		Kiểm toán công nghệ thông tin	2	
45	Thống kê kinh doanh	3		Phân tích dữ liệu trong kế toán	2	
46	Kế toán tập đoàn – Tổng công ty	3		Quản trị rủi ro tài chính	2	
47	Thực tập Kế toán tập đoàn Tổng công ty	3		Kiểm soát nội bộ	2	
	3.3. Kiến thức tự chọn theo modul	25	18.4%	Thực tập tốt nghiệp	10	8.1%
	Modun 1: Kế toán doanh nghiệp	25	18.4%			
48	Kế toán tài chính 3	3				
49	Kế toán DNTMDV và KDXNK	3				
50	Kế toán DNXL và đơn vị chủ đầu tư	3				
51	Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	2				
52	Thực Tập Cuối Khóa	5				
53	Khóa luận tốt nghiệp	9				
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp					
54	Kế toán doanh nghiệp sản xuất	3				
55	Thực tập kế toán doanh nghiệp	3				
56	Hành nghề kế toán kiểm toán	3				

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Kế toán)			Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (Ngành: Kế toán)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	Modun 2: Kế toán nhà hàng khách sạn	25	18.4%			
57	Kế toán nhà hàng	3				
58	Kế toán khách sạn	3				
59	Thực tập kế toán nhà hàng, khách sạn 1	3				
60	Tiểu luận 2- Chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn	2				
61	Thực Tập Cuối Khóa	5				
62	Khóa luận tốt nghiệp	9				
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp					
63	Thực tập kế toán nhà hàng, khách sạn 2	3				
64	Kế toán doanh nghiệp sản xuất	3				
65	Hành nghề kế toán kiểm toán	3				
	Modun 3: Kế toán công	25	18.4%			
66	Kế toán hành chính sự nghiệp	3				
67	Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	3				
68	Thực tập kế toán hành chính sự nghiệp	3				
69	Tiểu luận 2: Chuyên ngành Kế toán công	2				
70	Thực Tập Cuối Khóa	5				
71	Khóa luận tốt nghiệp	9				
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp					
72	Thực tập Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	3				
73	Kế toán ngân sách và tài chính xã	3				
74	Hành nghề kế toán kiểm toán	3				
	Modun 4: Kế toán kiểm toán	25	18.4%			
75	Kiểm toán báo cáo tài chính	3				

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Kế toán)			Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (Ngành: Kế toán)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
76	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	3				
77	Thực tập Kiểm toán BCTC	3				
78	Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán kiểm toán	2				
79	Thực Tập Cuối Khóa	5				
80	Khóa luận tốt nghiệp	9				
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp					
81	Kiểm toán hoạt động	3				
82	Kiểm toán nội bộ	3				
83	Hành nghề kế toán kiểm toán	3				
	Tổng tín chỉ CTĐT	136	100%	Tổng tín chỉ CTĐT	124	100%

12.2.4. So sánh CTĐT với CTĐT tương ứng của Trường Đại học Công nghệ Sydney-Úc

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Kế toán)			Đại học Công nghệ Sydney (Úc) (Ngành: Kế toán)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	35	25.7%	Khối kiến thức giáo dục đại cương	0	
	1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn.	13	9.6%			
1	Triết học Mác-Lênin	3				
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2				
3	CNXH Khoa học	2				
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2				
6	Pháp luật đại cương	2				
	1.2. Kiến thức toán và khoa học cơ bản	6	4.4%			
7	Toán ứng dụng trong kinh tế	3				
8	Xác suất thống kê	3				

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Kế toán)			Đại học Công nghệ Sydney (Úc) (Ngành: Kế toán)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ	16	11.8%			
9	Tiếng Anh 1	4				
10	Tiếng Anh 2	4				
11	Tiếng Anh 3	4				
12	Tiếng Anh 4	4				
	2. Kỹ năng bổ trợ	3	2.2%			
13	Kỹ năng nhận thức bản thân	1				
14	Kỹ năng nghề nghiệp - Kế toán	1				
15	Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1				
16	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2				
17	Soạn thảo văn bản	2				
18	Văn hóa kinh doanh	2				
	3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	98	72.1%	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		
	3.1 Kiến thức cơ sở ngành	20	14.7%	Kiến thức cơ sở ngành		
19	Kinh tế vi mô	2		Kế toán và Trách nhiệm	6	
20	Kinh tế vĩ mô	2		Kế toán, Kinh doanh và Xã hội	6	
21	Nguyên lý thống kê	2		Hệ thống thông tin kế toán	6	
22	Quản trị doanh nghiệp	3		Các nguyên tắc cơ bản của tài chính kinh doanh	6	
23	Pháp luật kinh tế	2		Kinh tế cho Doanh nghiệp	6	
24	Nguyên lý kế toán	3		Tác động đến Doanh nghiệp và Xã hội	6	
25	Tài chính – tiền tệ	3		Thống kê kinh doanh	6	
26	Marketing căn bản	3		Môi trường doanh nghiệp Úc	6	
	3.2 Kiến thức ngành	53	39.0%	Tiếp thị và Giá trị Khách hàng	6	
	Kiến thức bắt buộc	44	32.4%	Kiến thức ngành		
27	Luật kế toán và hệ thống chuẩn mực KT Việt Nam	3		Hệ thống quản lý chi phí	6	
28	Kế toán tài chính 1	3		Kế toán Kết hợp Kinh doanh	6	
29	Thực tập Kế toán tài chính 1	3		Luật thuế	6	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Kế toán)			Đại học Công nghệ Sydney (Úc) (Ngành: Kế toán)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
30	Tiểu luận 1: Thu thập số liệu kế toán	2		Học phần tự chọn	12	
31	Kế toán tài chính 2	3		Luật doanh nghiệp	6	
32	Tin học ứng dụng kế toán	3		Quyết định và Kiểm soát thông tin	6	
33	Kế toán quản trị 1	3		Các Chuẩn mực và Quy định Kế toán	6	
34	Kiểm toán căn bản	3		Học phần tự chọn	12	
35	Thực tập Kế toán tài chính 2	3		Dịch vụ Đảm bảo và Kiểm toán	6	
36	Tài chính doanh nghiệp	3		Phân tích kinh doanh (Capstone)	6	
37	Kế toán quản trị 2	3		Học phần tự chọn	24	
38	Thuế và kế toán thuế	3				
39	Thực tập Thuế và Kế toán thuế	3				
40	Kế toán máy	3				
41	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	3				
	Kiến thức tự chọn (SV chọn 3 học phần)	9	6.6%			
42	Hệ thống thông tin kế toán	3				
43	Phân tích báo cáo tài chính	3				
44	Thực tập Phân tích BCTC	3				
45	Thống kê kinh doanh	3				
46	Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	3				
47	Thực tập kế toán hành chính sự nghiệp	3				
48	Tiểu luận 2: Chuyên ngành Kế toán công	2				
49	Thực Tập Cuối Khóa	5				
50	Khóa luận tốt nghiệp	9				
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp					
51	Thực tập Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	3				
52	Kế toán ngân sách và tài chính xã	3				

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Kế toán)			Đại học Công nghệ Sydney (Úc) (Ngành: Kế toán)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
53	Hành nghề kế toán kiểm toán	3				
	Modun 4: Kế toán kiểm toán	25	18.4%			
54	Kiểm toán báo cáo tài chính	3				
55	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	3				
56	Thực tập Kiểm toán BCTC	3				
57	Tiểu luận 2 - Chuyên ngành Kế toán kiểm toán	2				
58	Thực Tập Cuối Khóa	5				
59	Khóa luận tốt nghiệp	9				
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp					
60	Kiểm toán hoạt động	3				
61	Kiểm toán nội bộ	3				
62	Hành nghề kế toán kiểm toán	3				
	Tổng tín chỉ CTĐT	136	100%	Tổng tín chỉ CTĐT	150	100%

13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

13.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- ✓ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- ✓ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- ✓ Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

- + Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;
- + Theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;
- + Theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Theo Quyết định 392/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Và các quy định khác của Nhà nước về lĩnh vực đào tạo; các quy định hiện hành trong nhà trường: chế độ công tác giáo viên, quy định về tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ và hình thức xử lý đối với cán bộ, giáo viên.

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

13.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

○ Học kỳ I bao gồm các nội dung:

Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.

Học tập: 15 tuần

Thi học kỳ, dự trữ:

○ Học kỳ II bao gồm các nội dung:

Nghỉ tết: 2 tuần.

Sinh hoạt lớp, LD công ích: 1 tuần.

Học tập: 15 tuần

Thi học kỳ, dự trữ:

Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)

○ Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:

Nghỉ hè.

Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)

Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...

Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
 - Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.
- Quy định thực hiện các học phần:
- Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.
 - Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long